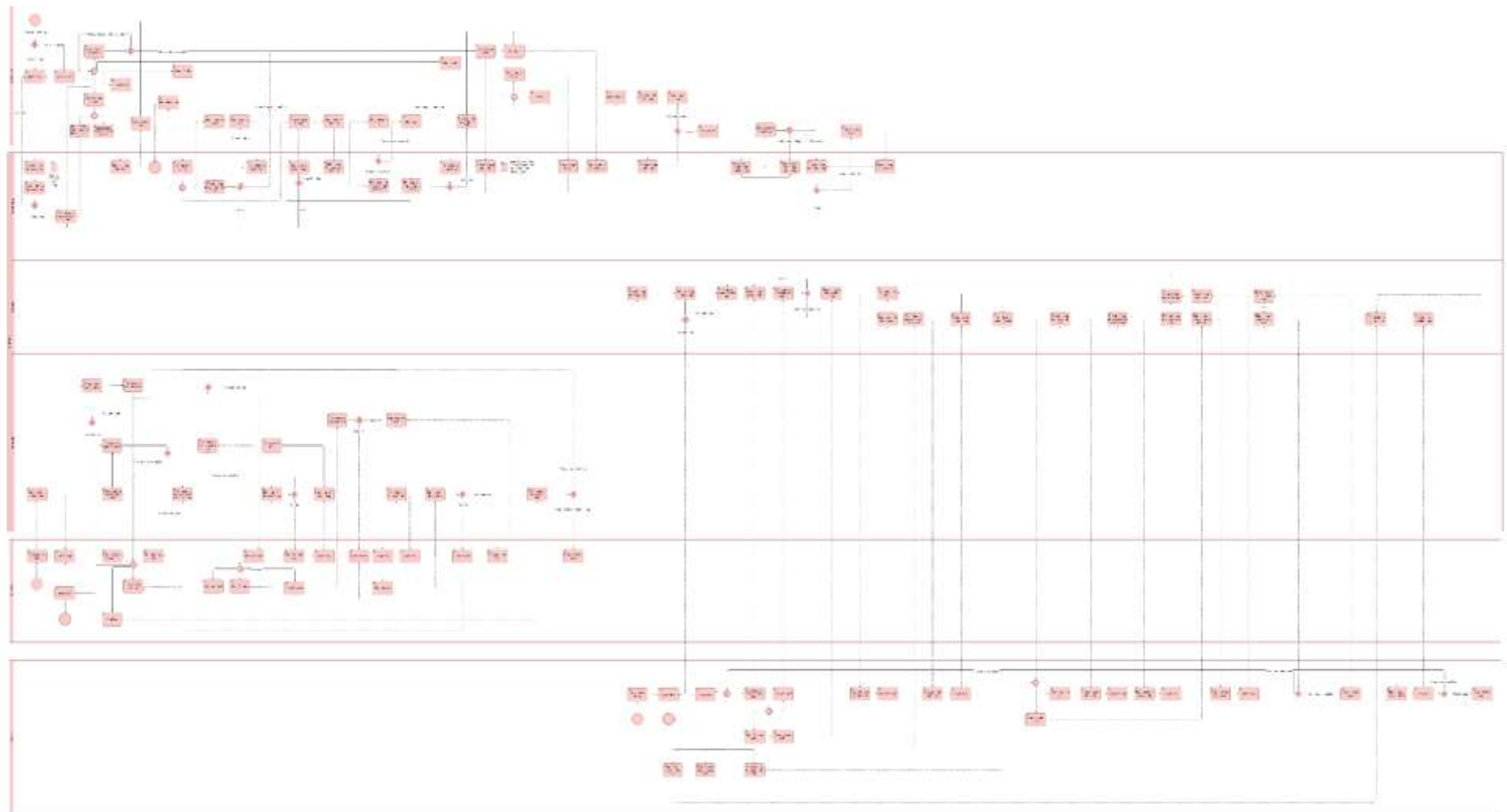
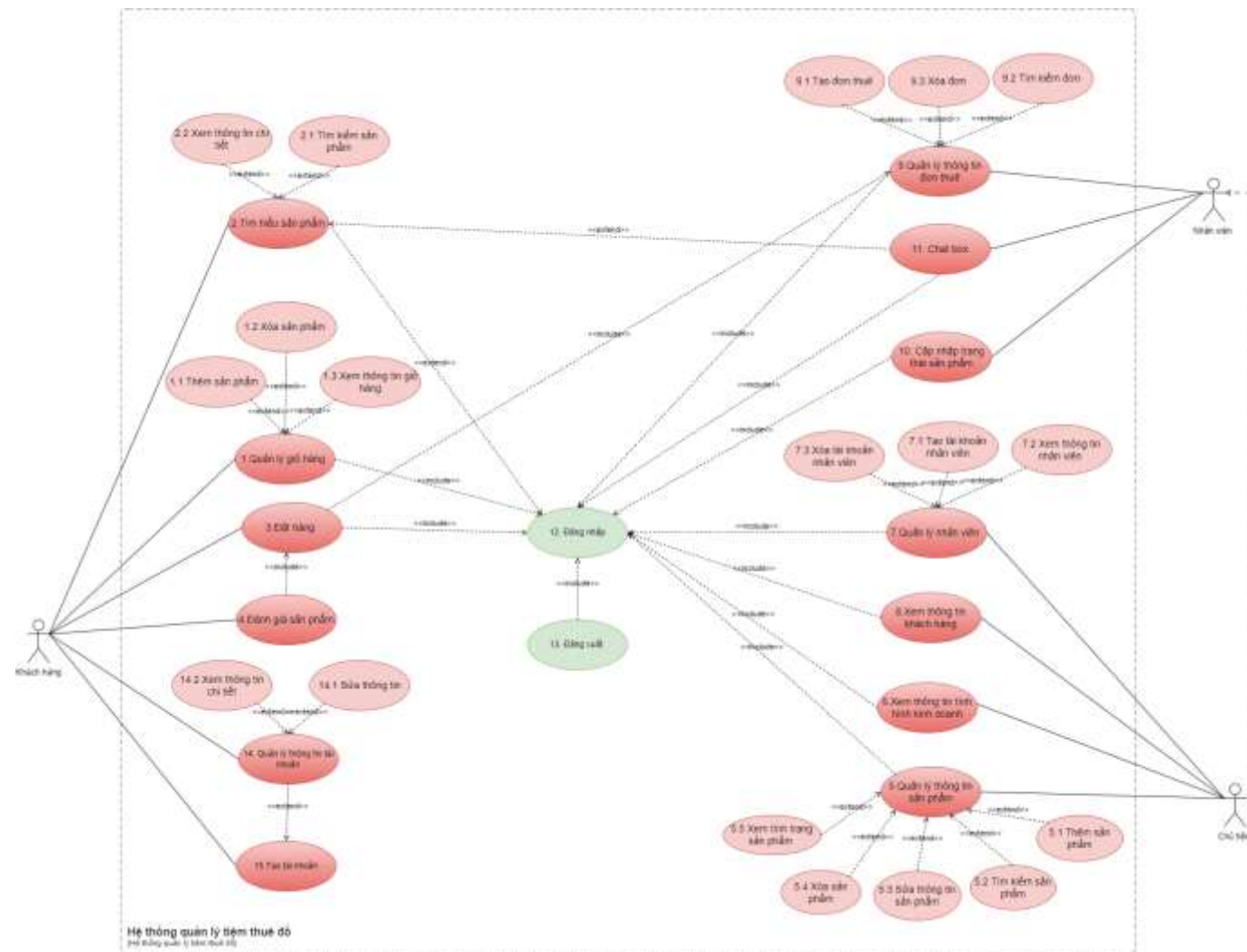

PHẦN II: ĐẶC TẢ YÊU CẦU

6 Mô tả khái quát về hệ thống

[illegible]

6.2 Sơ đồ luồng nghiệp vụ hệ thống To - Be System





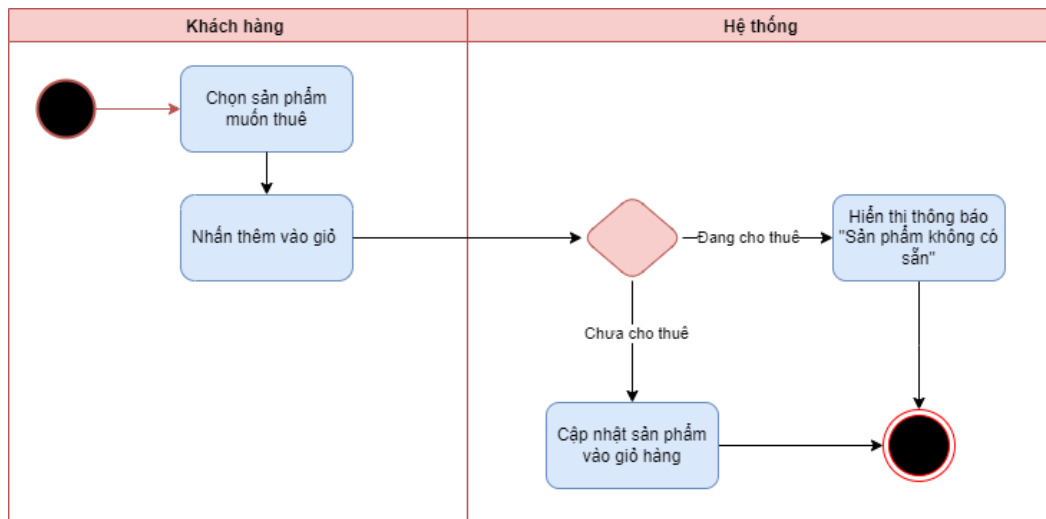
7 Yêu cầu chức năng

7.1 Đặc tả UC 1.1

Use case ID	1.1
Use case name	Thêm sản phẩm
Description	Là khách hàng, tôi muốn thêm sản phẩm
Actors	Khách hàng
Priority	High
Triggers	Khách hàng chọn chức năng thêm sản phẩm
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none">Sản phẩm chưa được thuêKhách hàng đã đăng nhập tài khoản
Post-conditions	Khách hàng thêm thành công hàng muốn thuê vào giỏ hàng
Main flow	<ol style="list-style-type: none">Khách hàng chọn sản phẩm muốn thuêKhách hàng nhấn thêm vào giỏHệ thống cập nhật sản phẩm vào giỏ hàng
Alternative flows	N/A
Exception flows	2a. Nếu sản phẩm đang cho thuê thì hệ thống hiển thị thông báo “Sản phẩm không có sẵn” và kết thúc
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 1: Đặc tả UC 1.1

Activity diagram UC 1.1

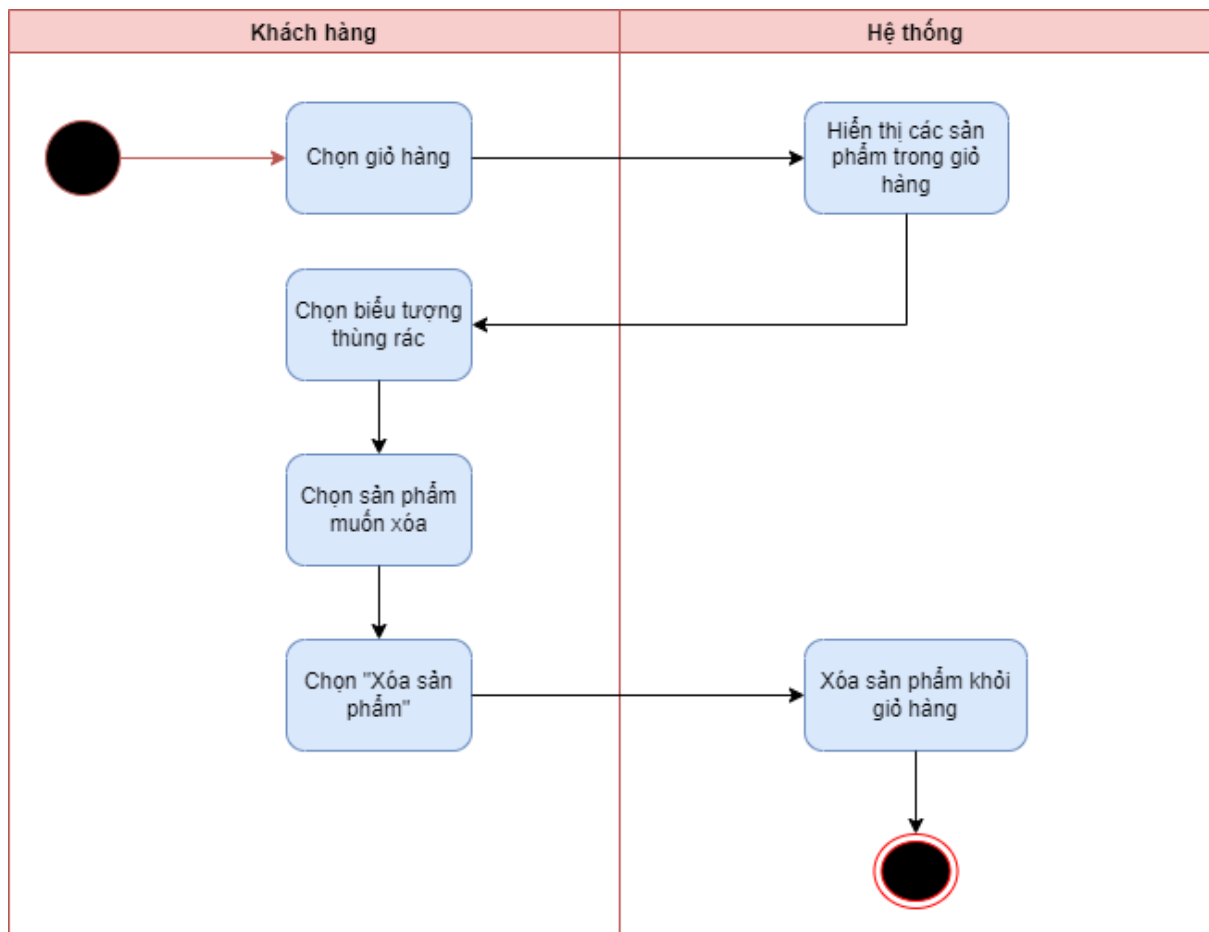


Hình 1: Activity diagram UC 1.1

7.2 Đặc tả UC 1.2

Use case ID	1.2
Use case name	Xóa sản phẩm
Description	Là khách hàng, tôi muốn xóa sản phẩm trong giỏ hàng
Actors	Khách hàng.
Priority	High.
Triggers	Khách hàng chọn chức năng xóa sản phẩm.
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng. Khách hàng đã đăng nhập tài khoản.
Post-conditions	Khách hàng xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Khách hàng chọn giỏ hàng Hệ thống hiển thị các sản phẩm trong giỏ hàng. Khách hàng chọn biểu tượng thùng rác Khách hàng chọn sản phẩm muốn xóa Khách hàng chọn “Xóa sản phẩm” Hệ thống xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng
Alternative flows	N/A
Exception flows	N/A
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 2: Đặc tả UC 1.2

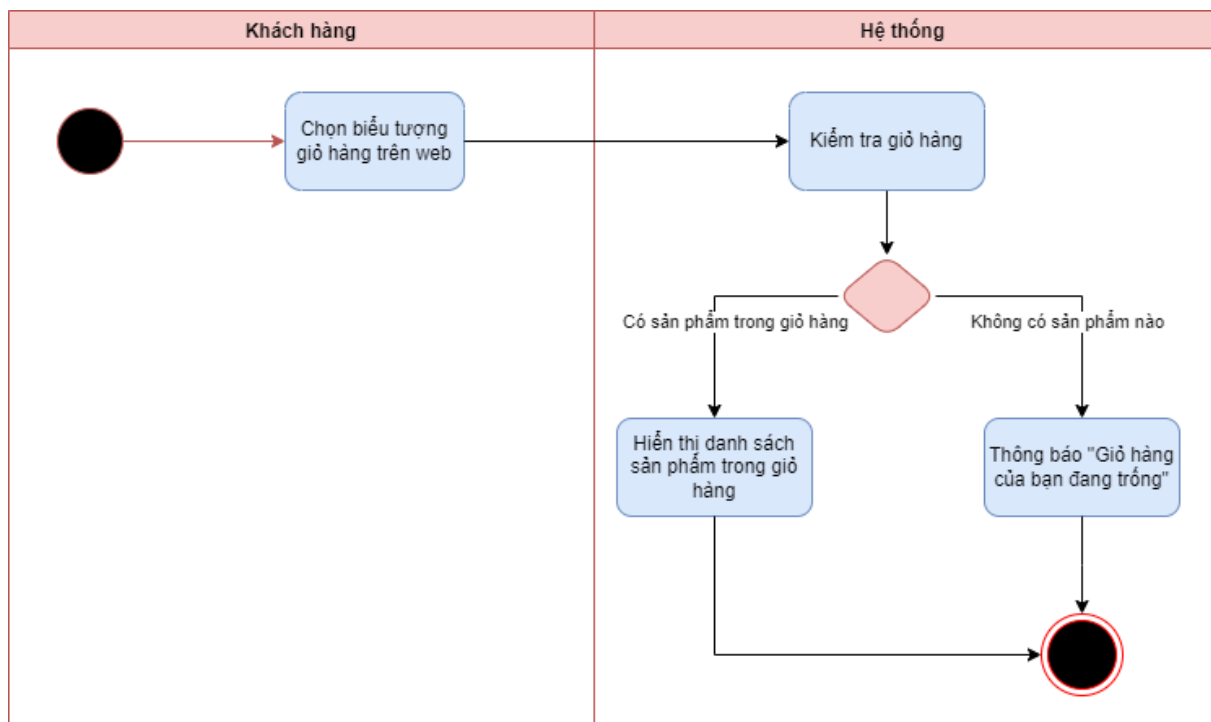
Activity diagram UC 1.2**Hình 2: Activity diagram UC 1.2****7.3 Đặc tả UC 1.3**

Use case ID	1.3
Use case name	Xem thông tin giỏ hàng
Description	Là khách hàng, tôi muốn xem thông tin giỏ hàng
Actors	Khách hàng
Priority	High
Triggers	Khách hàng chọn mở giỏ hàng.
Pre-conditions	Khách hàng đã đăng nhập tài khoản
Post-conditions	Khách hàng xem thông tin giỏ hàng thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn biểu tượng giỏ hàng trên web 2. Hệ thống kiểm tra giỏ hàng 3. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm trong giỏ hàng

Alternative flows	N/A
Exception flows	2a. Nếu giỏ hàng không có sản phẩm nào, hệ thống thông báo “Giỏ hàng của bạn đang trống” và kết thúc
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 3: Đặc tả UC 1.3

Activity diagram UC 1.3

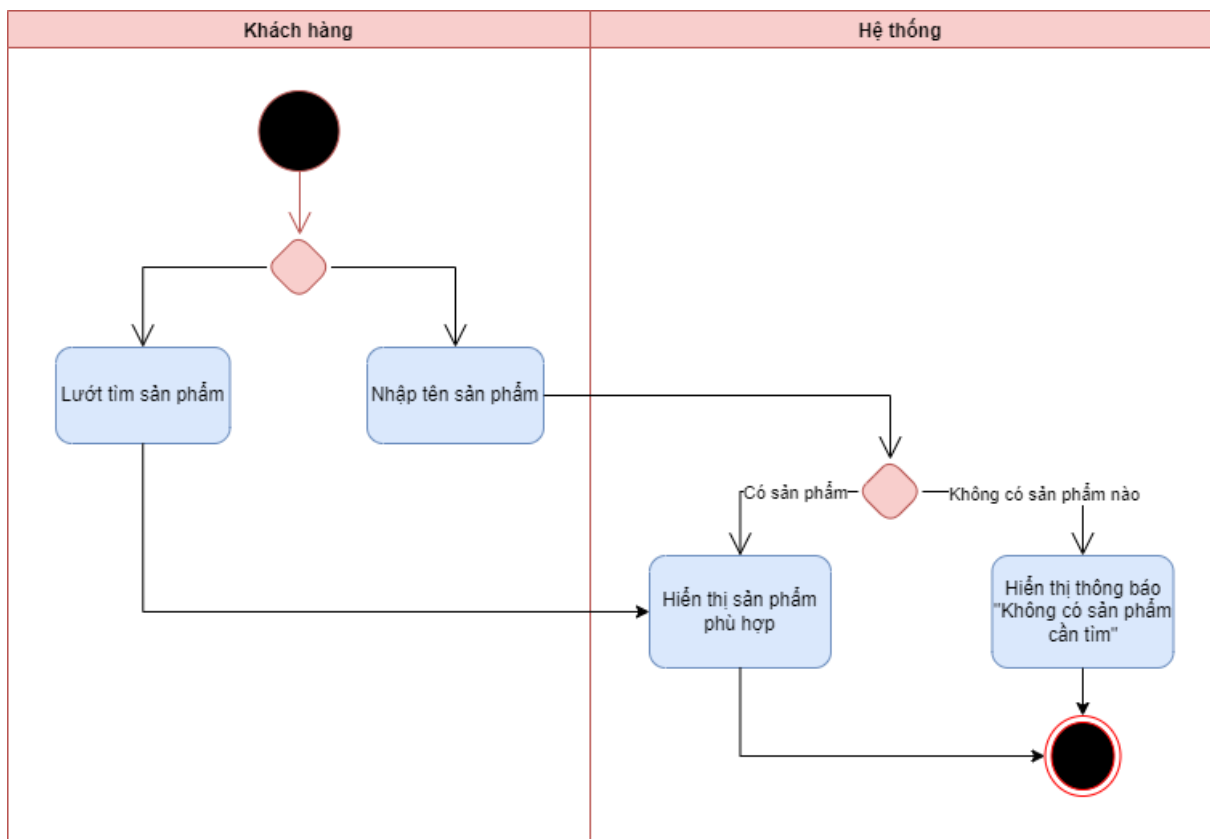


Hình 3: Activity diagram UC 1.3

7.4 Đặc tả UC 2.1

Use case ID	2.1
Use case name	Tìm kiếm sản phẩm
Description	Là khách hàng, tôi muốn tìm kiếm sản phẩm
Actors	Khách hàng
Priority	High
Triggers	Khách hàng chọn chức năng tìm kiếm sản phẩm
Pre-conditions	N/A

Post-conditions	Khách hàng tìm kiếm sản phẩm thành công
Main flow	1. Khách hàng lướt tìm sản phẩm
Alternative flows	1a. Khách hàng nhập tên sản phẩm 1a1. Hệ thống hiển thị sản phẩm phù hợp
Exception flows	1a2. Nếu không có sản phẩm nào, hệ thống hiển thị thông báo “Không có sản phẩm cần tìm” và kết thúc.
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

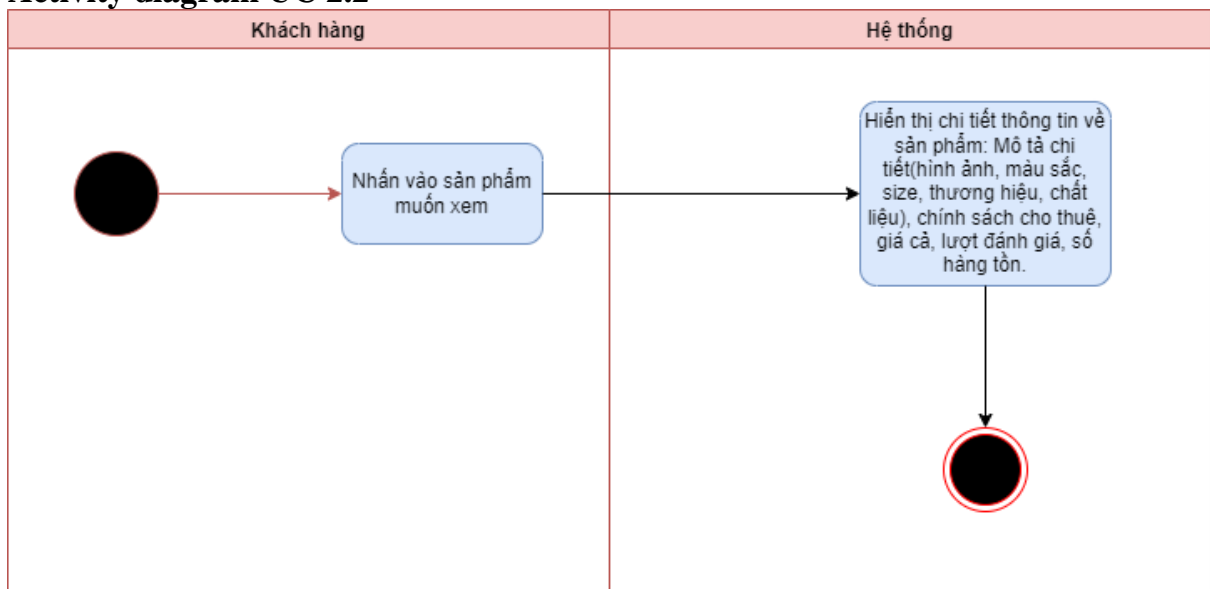
Bảng 4: Đặc tả UC 2.1**Activity diagram UC 2.1****Hình 4: Activity diagram UC 2.1****7.5 Đặc tả UC 2.2**

Use case ID	2.2
Use case name	Xem thông tin chi tiết

Description	Là khách hàng, tôi muốn xem thông tin chi tiết sản phẩm
Actors	Khách hàng
Priority	High
Triggers	Khách hàng chọn từng sản phẩm để xem thông tin chi tiết
Pre-conditions	N/A
Post-conditions	Khách hàng xem được thông tin chi tiết của sản phẩm.
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng nhấn vào sản phẩm muốn xem 2. Hệ thống hiển thị chi tiết thông tin về sản phẩm: Mô tả chi tiết (hình ảnh, màu sắc, size, thương hiệu, chất liệu), chính sách cho thuê, giá cả, lượt đánh giá, số lượng tồn kho.
Alternative flows	N/A
Exception flows	N/A
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 5: Đặc tả UC 2.2

Activity diagram UC 2.2



Hình 5: Activity diagram UC 2.2

7.6 Đặc tả UC 3

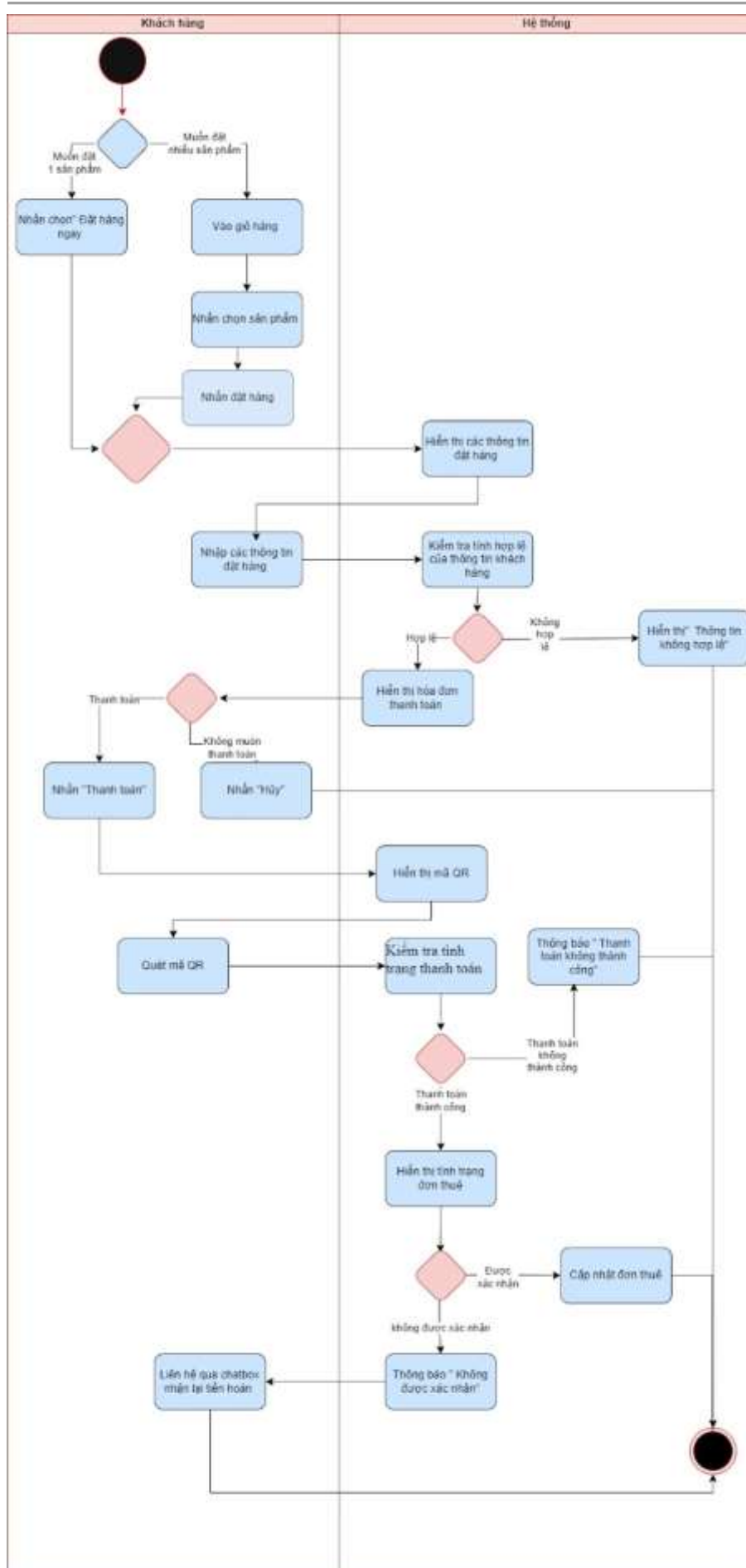
Use case ID	3
-------------	---

Use case name	Đặt hàng
Description	Là một khách hàng, tôi muốn đặt thuê hàng
Actors	Khách hàng
Priority	Hight
Triggers	Khách hàng nhấn chọn tính năng “Đặt hàng”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> • Khách hàng đăng nhập thành công • Sản phẩm chưa được thuê • Khách hàng chọn được sản phẩm muốn đặt hàng • Khách hàng nhập thông tin nhận hàng hợp lý
Post-conditions	Khách hàng đặt hàng thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng nhấn chọn “Đặt hàng ngay” 2. Hệ thống hiển thị các yêu cầu về thông tin đặt hàng: tên, địa chỉ, sđt, ngày nhận hàng, ngày trả hàng. 3. Khách hàng nhập các thông tin đặt hàng 4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin 5. Hệ thống hiển thị hóa đơn thanh toán 6. Khách hàng nhấn chọn “Thanh toán” 7. Hệ thống hiển thị mã QR 8. Khách hàng quét QR thanh toán 9. Hệ thống kiểm tra tình trạng thanh toán 10. Hệ thống hiển thị thông báo tình trạng đơn thuê 11. Hệ thống cập nhật đơn thuê
Alternative flows	<p>1a. Vào giỏ hàng</p> <p>1a1. Nhấn chọn sản phẩm muốn đặt hàng</p>
Exception flows	<p>4a. Nếu thông tin không hợp lệ thì hệ thống hiển thị “Thông tin không hợp lệ” và kết thúc</p> <p>6a. Nếu khách hàng không muốn thanh toán thì nhấn “Hủy” và kết thúc.</p> <p>9a. Nếu khách hàng chưa thanh toán thành công thì hệ thống hiển thị thông báo ”Thanh toán không thành công” và kết thúc.</p>

	<p>10a. Nếu đơn thuê không được xác nhận thì hiển thị thông báo “Không được xác nhận” và kết thúc</p> <p>10a1. Nhân viên liên hệ qua chatbox để thông báo hoàn lại tiền</p>
Business rules	<ul style="list-style-type: none"> • Tên khách hàng không được chứa số và ký tự đặc biệt, không được để trống nội dung • Nội dung địa chỉ không được để trống • SĐT là 10 chữ số, không được để trống nội dung • Ngày nhận hàng, ngày trả hàng là ngày hiện tại hoặc tương lai, không được để trống nội dung • Cách tính tiền thuê: <ul style="list-style-type: none"> • Thuê 1 ngày = Giá thuê đã hiển thị - 20.000 • Từ 1 - 3 ngày = Giá thuê đã hiển thị • Trên 3 ngày: phụ thu 1 món/ 10.000 VNĐ/ ngày • Số tiền thanh toán = Tiền thuê + Tiền cọc
Non-functional requirements	N/A

Bảng 6: Đặc tả UC 3

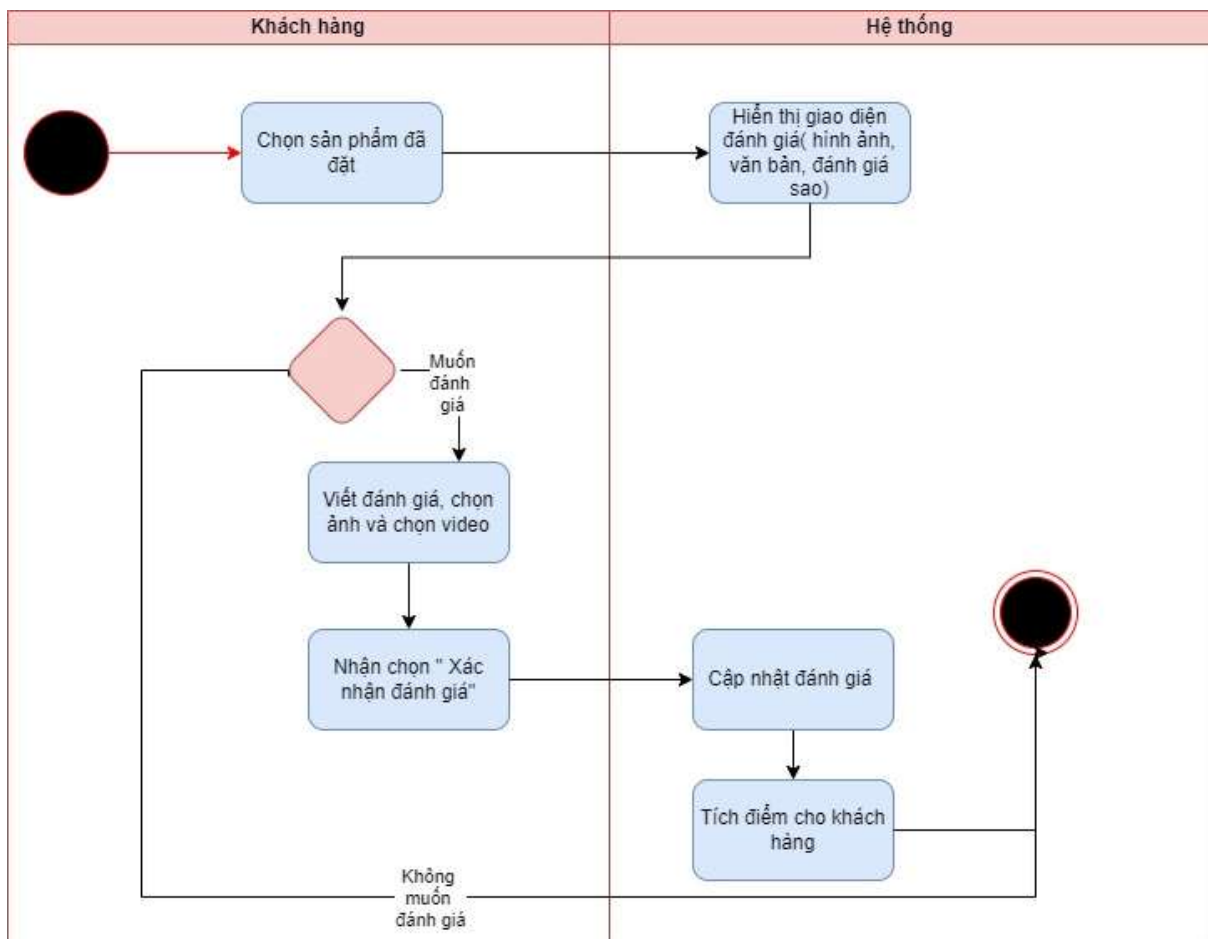
Activity diagram UC 3



7.7 Đặc tả UC 4

Use case ID	4
Use case name	Đánh giá sản phẩm
Description	Là một khách hàng, sau khi đã thuê hàng thành công tôi muốn đánh giá sản phẩm
Actors	Khách hàng
Priority	Trung bình
Triggers	Khách hàng chọn chức năng đánh giá
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none">• Khách hàng đăng nhập thành công• Khách hàng đã thuê hàng thành công• Khách hàng muốn đánh giá sản phẩm
Post-conditions	<ul style="list-style-type: none">• Hệ thống cập nhật đánh giá của khách hàng vào sản phẩm• Khách hàng được cộng điểm tích lũy để sử dụng cho các đơn tiếp theo
Main flow	<ol style="list-style-type: none">1. Khách hàng nhấn chọn “Đã nhận hàng”2. Hệ thống hiển thị giao diện đánh giá sản phẩm: hình ảnh, văn bản, đánh giá sao3. Khách hàng viết đánh giá, đăng tải ảnh, đánh giá sao4. Khách hàng nhấn chọn “Xác nhận đánh giá”5. Hệ thống cập nhật đánh giá6. Hệ thống tự động tích điểm cho khách hàng
Alternative flows	
Exception flows	2a. Nếu khách hàng không muốn đánh giá thì kết thúc

Business rules	Nếu khách hàng chỉ đánh giá bằng văn bản: +5.000 điểm, hình ảnh: +7.000 điểm, văn bản và hình ảnh: +10.000 điểm (1.000 điểm tương đương với 1.000 VNĐ)
Non-functional requirements	N/A

Bảng 7: Đặc tả UC 4**Activity diagram UC 4****Hình 6: Activity diagram UC 4**

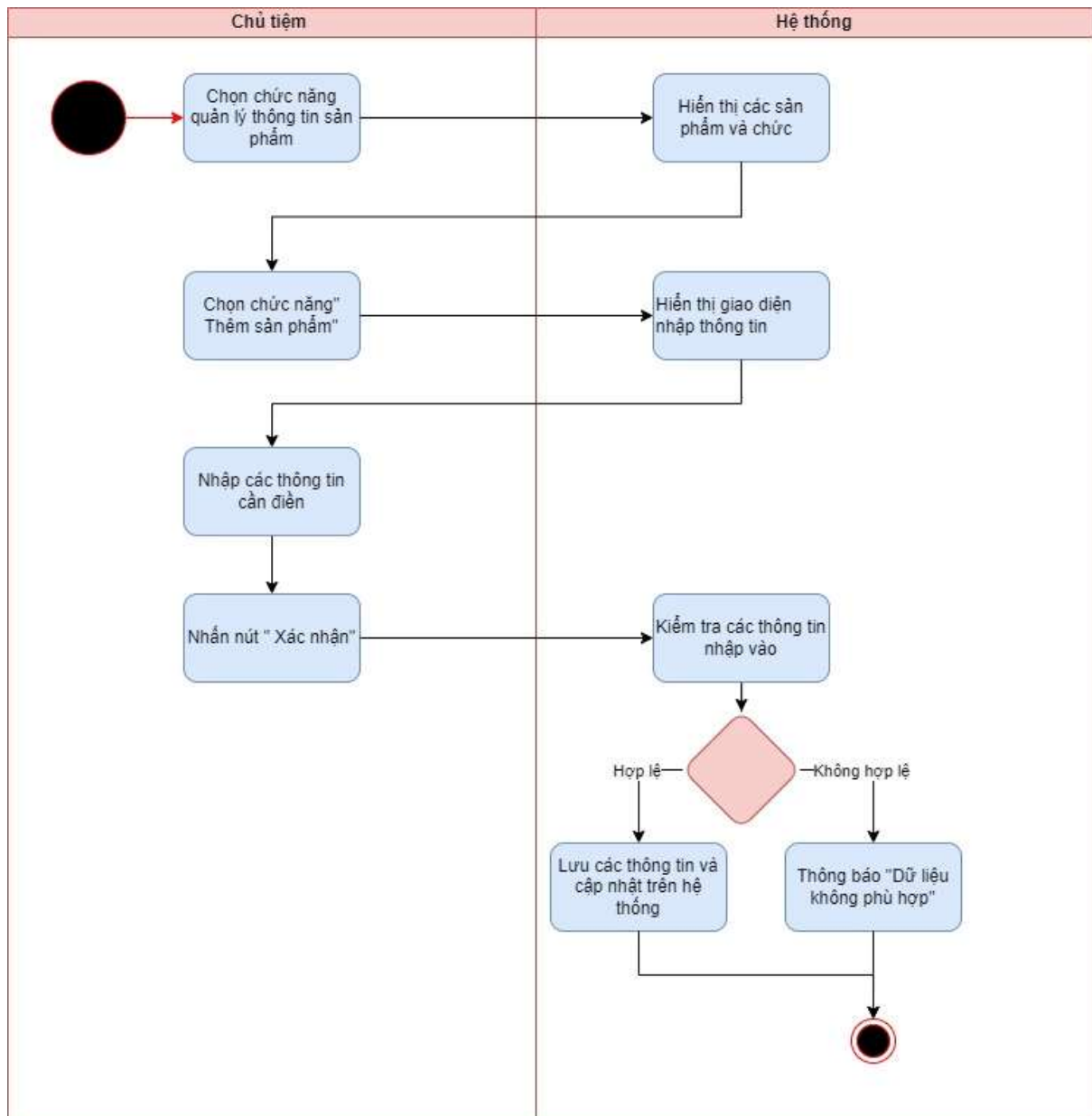
7.8 Đặc tả UC 5.1

Use case ID	5.1
Use case name	Thêm sản phẩm
Description	Là một chủ tiệm, tôi muốn thêm sản phẩm
Actors	Chủ tiệm
Priority	Trung bình
Triggers	Chủ tiệm chọn chức năng “Thêm sản phẩm”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none">• Đăng nhập thành công• Có thông tin sản phẩm để nhập
Post-conditions	Thông tin sản phẩm được cập nhật và lưu lại
Main flow	<ol style="list-style-type: none">1. Chủ tiệm chọn chức năng “Quản lý thông tin sản phẩm”2. Hệ thống hiển thị sản phẩm và các chức năng3. Chủ tiệm chọn chức năng “Thêm sản phẩm”.4. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin bao gồm: Tên sản phẩm, Mã sản phẩm, Mô tả chi tiết (hình ảnh, màu sắc, size, thương hiệu, chất liệu), chính sách cho thuê, giá cả, số lượng tồn kho.5. Chủ tiệm nhập các thông tin cần điền6. Chủ tiệm nhấn nút “Xác nhận”7. Hệ thống kiểm tra các thông tin nhập vào8. Lưu các thông tin và cập nhật trên hệ thống
Alternative flows	N/A
Exception flows	7a. Nếu không thỏa mãn điều kiện, hệ thống sẽ hiện thông báo “Dữ liệu không phù hợp” và kết thúc

Business rules	<ul style="list-style-type: none">• Tên sản phẩm, mã sản phẩm, giá cả không được bỏ trống• Mã sản phẩm không được trùng nhau
Non-functional requirements	N/A

Bảng 8: Đặc tả UC 5.1

Activity diagram UC 5



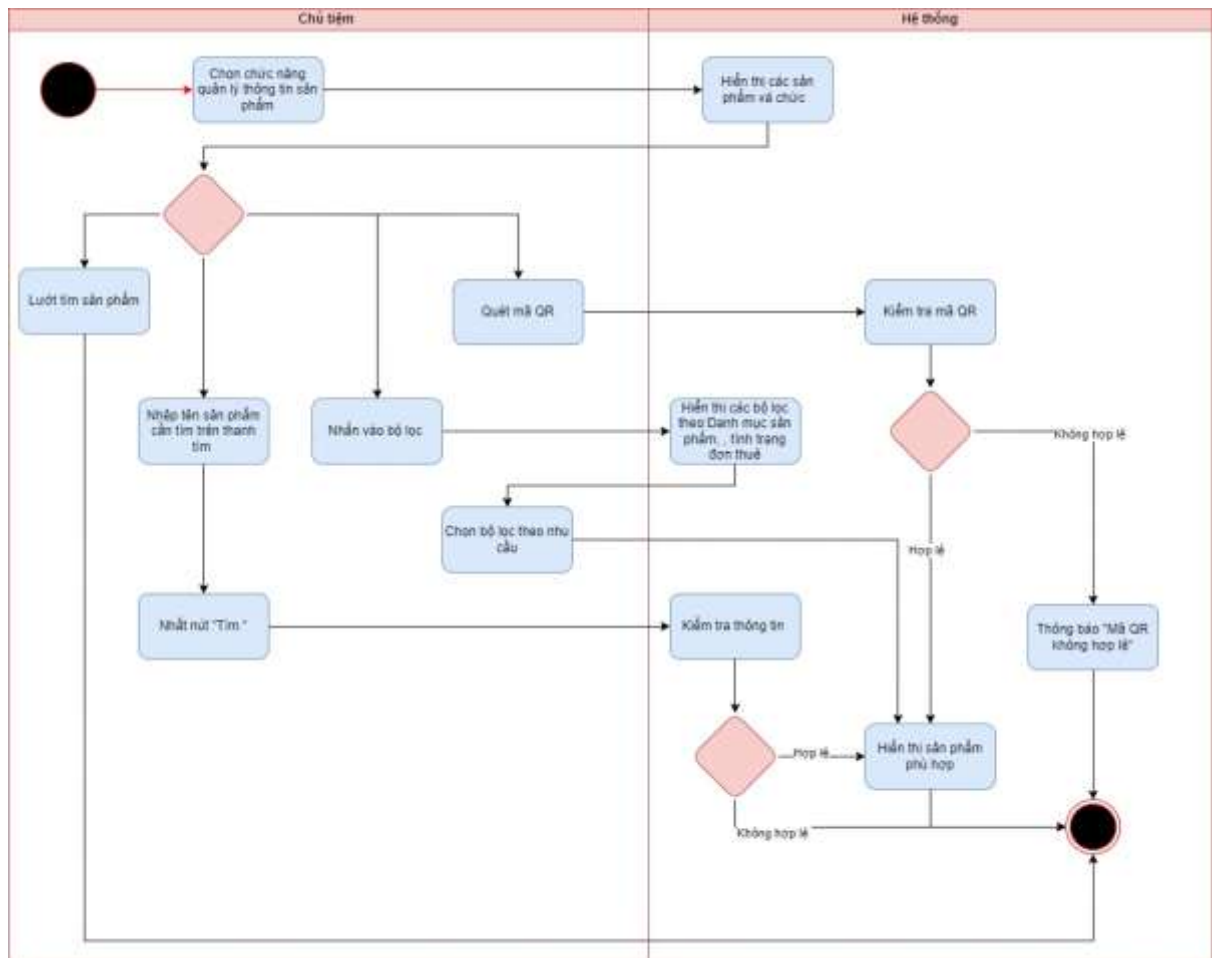
Hình 7: Activity diagram UC 5

7.9 Đặc tả UC 5.2

Use case ID	5.2
Use case name	Tìm kiếm sản phẩm
Description	Là chủ tiệm, tôi muốn tìm kiếm sản phẩm

Actors	Chủ tiệm
Priority	Trung bình
Triggers	Chủ tiệm chọn chức năng “Tìm kiếm sản phẩm”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tiệm đăng nhập thành công Chọn chức năng quản lý thông tin sản phẩm Thông tin tìm kiếm hợp lý
Post-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống hiển thị sản phẩm cần tìm kiếm
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Chủ tiệm chọn chức năng “Quản lý thông tin sản phẩm” Hệ thống hiển thị các sản phẩm và chức năng Chủ tiệm nhập tên sản phẩm cần tìm trên thanh tìm kiếm Chủ tiệm nhấn nút “Tìm kiếm” Hệ thống kiểm tra thông tin Hệ thống hiển thị sản phẩm phù hợp
Alternative flows	<p>3a. Chủ tiệm lướt tìm sản phẩm</p> <p>3b. Chủ tiệm quét mã QR của sản phẩm để tìm kiếm</p> <p>3b1. Hệ thống kiểm tra mã QR</p> <p>3c. Chủ tiệm nhấn vào bộ lọc</p> <p>3c1. Hệ thống hiển thị các lựa chọn lọc bao gồm: lọc theo danh mục sản phẩm, lọc theo tình trạng đơn thuê.</p> <p>3c2. Chủ tiệm lựa chọn lọc theo yêu cầu danh mục sản phẩm hoặc theo tình trạng đơn thuê.</p> <p>3c3. Tiếp tục chuyển sang bước 6.</p>
Exception flows	<p>3b2. Nếu mã QR bị lỗi thì thông báo “Mã QR không hợp lệ” và kết thúc. Ngược lại thì chuyển sang bước 6</p> <p>5a. Nếu từ khóa không phù hợp thì thông báo “Không tìm thấy sản phẩm” và kết thúc.</p>
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 9: Đặc tả UC 5.2**Activity diagram UC 5.2**



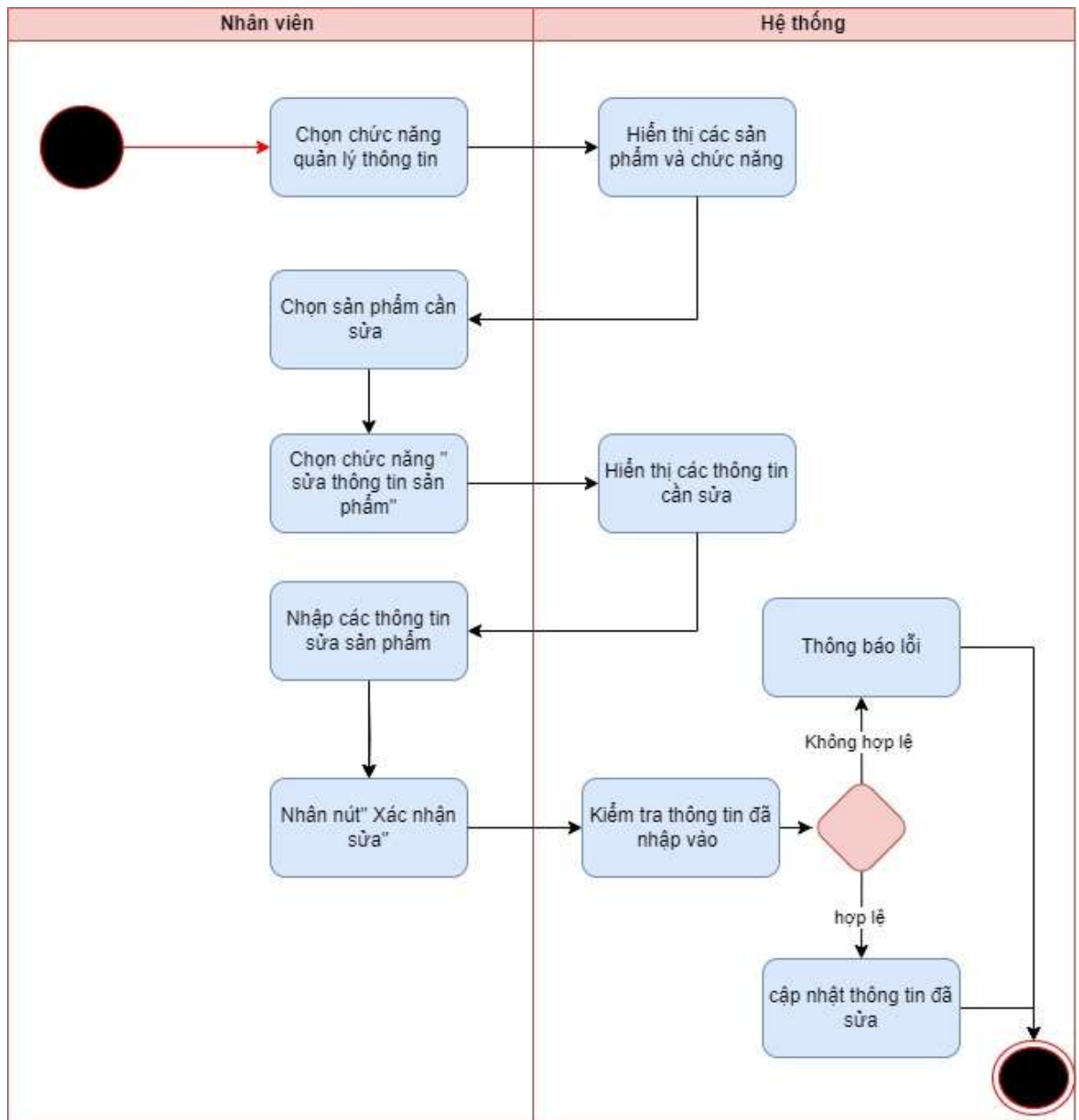
Hình 8: Activity diagram UC 5.2

7.10 Đặc tả UC 5.3

Use case ID	5.3
Use case name	Sửa thông tin sản phẩm
Description	Là chủ tiệm, tôi muốn sửa thông tin sản phẩm
Actors	Chủ tiệm
Priority	Trung bình
Triggers	Chủ tiệm chọn mở chức năng “ Sửa thông tin sản phẩm”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tiệm đã đăng nhập thành công Phải có thông tin cũ của sản phẩm

Post-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống cập nhật lại thông tin mới của sản phẩm
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Chủ tiệm chọn chức năng “Quản lý thông tin sản phẩm” Hệ thống hiển thị các sản phẩm và chức năng Chủ tiệm chọn sản phẩm cần sửa Chủ tiệm chọn chức năng “Sửa thông tin sản phẩm” Hệ thống hiển thị các thông tin cần sửa: Tên sản phẩm, Mã sản phẩm, Mô tả chi tiết (hình ảnh, màu sắc, size, thương hiệu, chất liệu), chính sách cho thuê, giá cả, số lượng tồn kho. Chủ tiệm nhập các thông tin cần sửa Chủ tiệm nhấn nút “Xác nhận” Hệ thống kiểm tra thông tin chủ tiệm đã nhập vào Hệ thống cập nhật thông tin đã sửa
Alternative flows	N/A
Exception flows	8a. Nếu thông tin không hợp lệ thì thông báo “lỗi” và kết thúc
Business rules	<ul style="list-style-type: none"> Tên sản phẩm, mã sản phẩm, giá cả không được bỏ trống Mã sản phẩm không được trùng nhau
Non-functional requirements	N/A

Bảng 10: Đặc tả UC 5.3**Activity diagram UC 5.3**



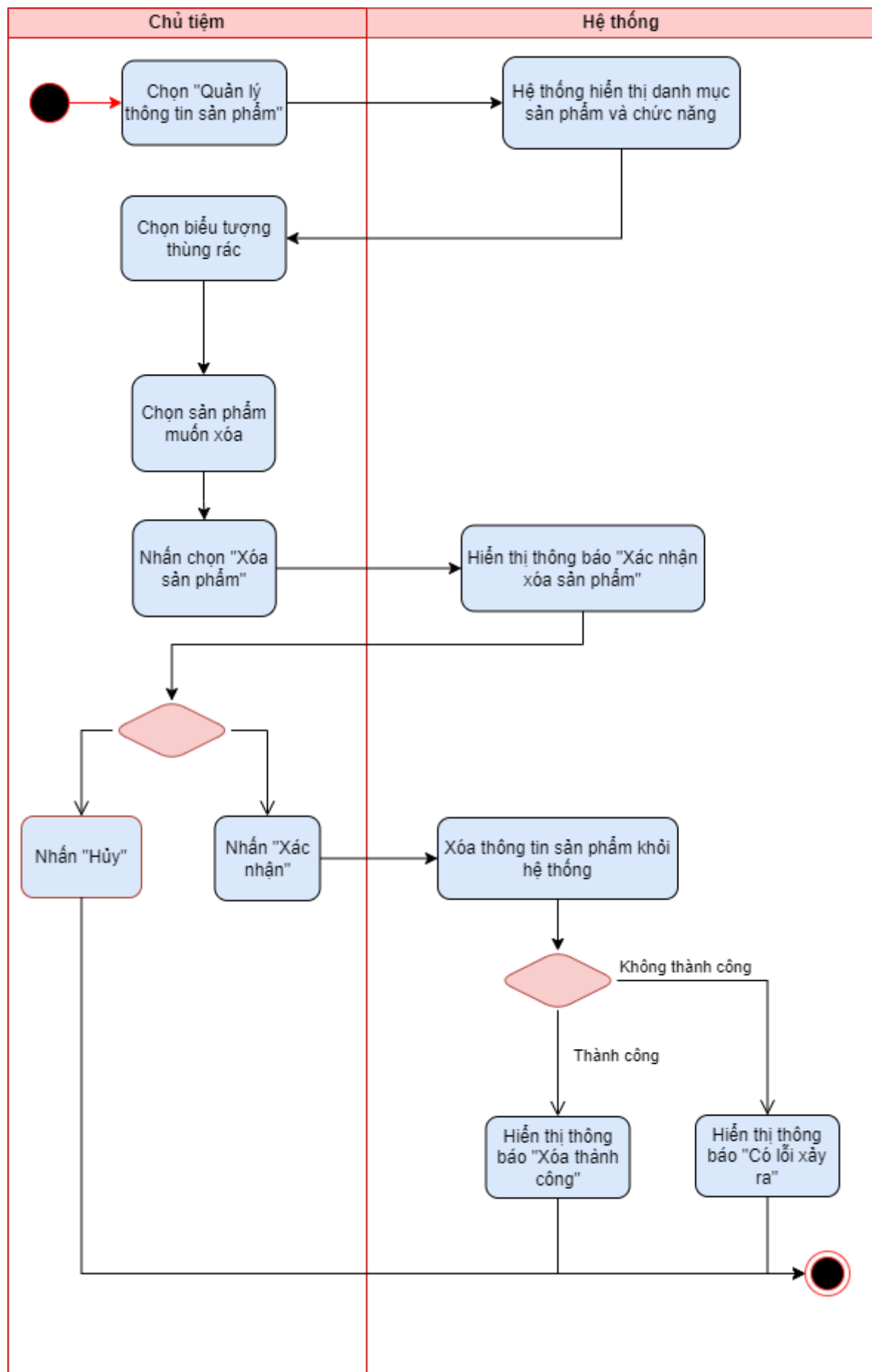
Hình 9: Activity diagram UC 5.3

7.11 Đặc tả UC 5.4

Use case ID	5.4
Use case name	Xóa sản phẩm
Description	Là chủ tiệm, tôi muốn xóa sản phẩm
Actors	Chủ tiệm
Priority	High

Triggers	Chủ tiệm nhấn chọn sản phẩm cần xóa sau đó nhấn “Xóa sản phẩm”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm đã được lưu thông tin trên hệ thống Chủ tiệm đã đăng nhập vào hệ thống
Post-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tiệm xóa sản phẩm thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Chủ tiệm chọn chức năng “Quản lý thông tin sản phẩm” Hệ thống hiển thị các sản phẩm và chức năng Chủ tiệm chọn biểu tượng thùng rác Chủ tiệm chọn sản phẩm muốn xóa Chủ tiệm chọn “Xóa sản phẩm” Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận xóa sản phẩm” Chủ tiệm nhấp vào nút "Xác nhận" Hệ thống xóa thông tin sản phẩm khỏi hệ thống Hệ thống hiển thị thông báo “Xóa sản phẩm thành công”
Alternative flows	N/A
Exception flows	7a. Nếu chủ tiệm nhấp “Hủy” thì hệ thống sẽ kết thúc
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 11: Đặc tả UC 5.4**Activity diagram UC 5.4**

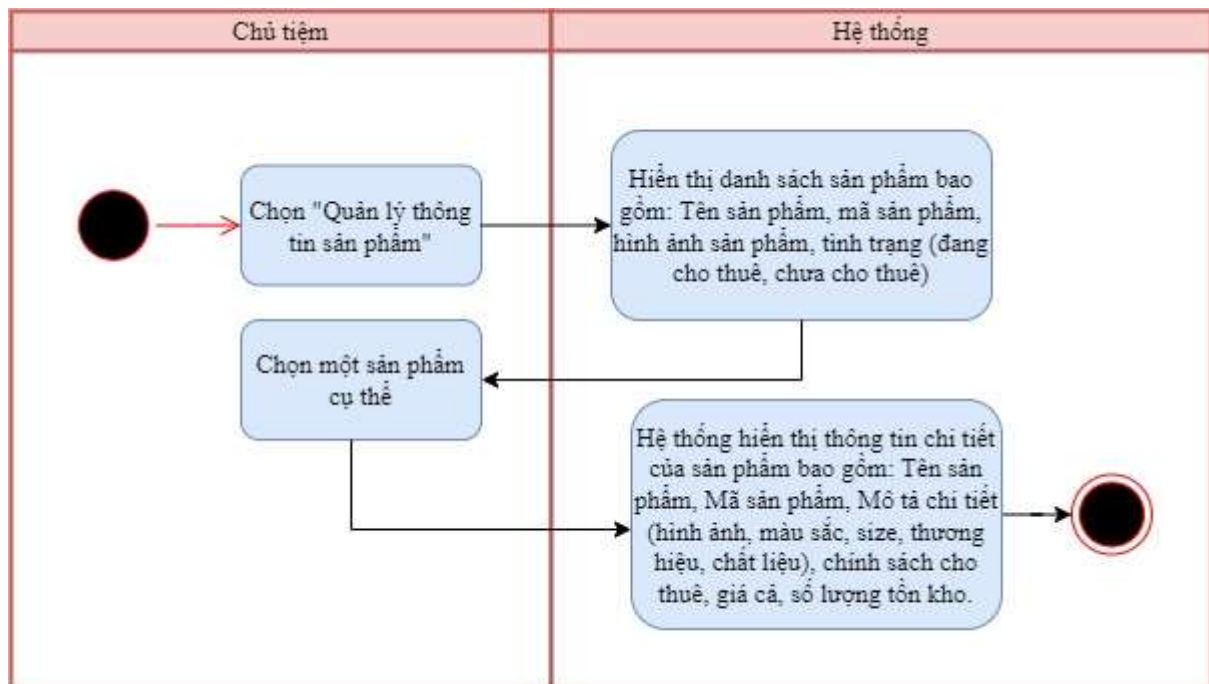


Hình 10: Activity diagram UC 5.4

7.12 Đặc tả UC 5.5

Use case ID	5.5
Use case name	Xem thông tin sản phẩm
Description	Là chủ tiệm, tôi muốn xem thông tin sản phẩm
Actors	Chủ tiệm
Priority	High
Triggers	Chủ tiệm nhấn chọn chức năng “Quản lý thông tin sản phẩm”
Pre-conditions	Chủ tiệm đã đăng nhập vào hệ thống
Post-conditions	Chủ tiệm đã xem được thông tin sản phẩm
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tiệm chọn chức năng "Quản lý thông tin sản phẩm" 2. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm bao gồm: tên sản phẩm, mã sản phẩm, hình ảnh sản phẩm, tình trạng (đang cho thuê, chưa cho thuê) 3. Chủ tiệm nhấn chọn một sản phẩm cụ thể để xem thông tin chi tiết 4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm bao gồm: Tên sản phẩm, Mã sản phẩm, Mô tả chi tiết (hình ảnh, màu sắc, size, thương hiệu, chất liệu), chính sách cho thuê, giá cả, số lượng tồn kho.
Alternative flows	N/A
Exception flows	N/A
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 12: Đặc tả UC 5.5**Activity diagram 5.5**

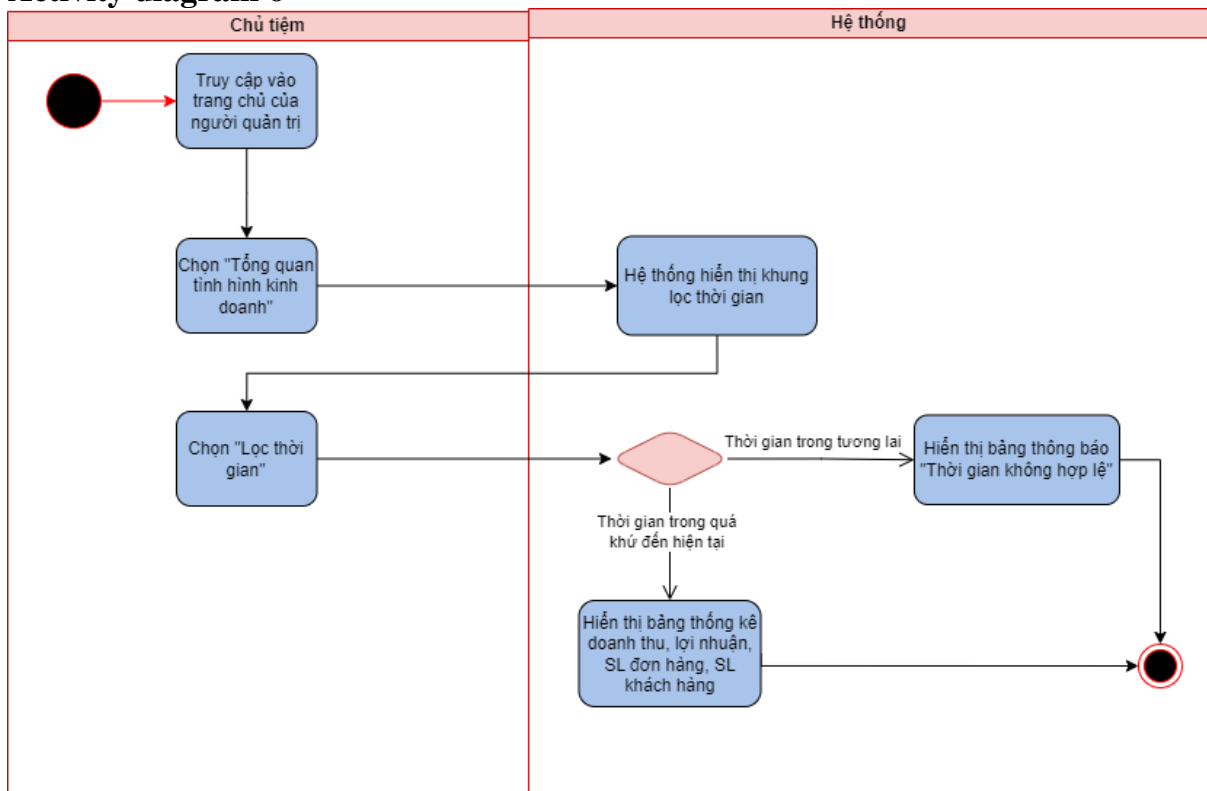


Hình 11: Activity diagram 5.5

7.13 Đặc tả UC 6

Use case ID	6
Use case name	Xem thông tin tình hình kinh doanh
Description	Là chủ tiệm, tôi muốn xem thông tin tình hình kinh doanh của cửa tiệm
Actors	Chủ tiệm
Priority	High
Triggers	Chủ tiệm nhấn chọn chức năng “Tổng quan tình hình kinh doanh”
Pre-conditions	Chủ tiệm đã đăng nhập vào hệ thống
Post-conditions	Chủ tiệm đã xem được thông tin tình hình kinh doanh của cửa tiệm
Main flow	1. Chủ tiệm truy cập vào trang chủ của người quản trị

	<ol style="list-style-type: none"> Chủ tiệm chọn chức năng "Tổng quan tình hình kinh doanh" Hệ thống hiển thị khung lọc thời gian Chủ tiệm lọc dữ liệu theo khoảng thời gian cần tìm Hệ thống hiển thị bảng thống kê tình hình kinh doanh: doanh thu, lợi nhuận, số lượng đơn hàng, số lượng khách hàng
Alternative flows	N/A
Exception flows	4a. Nếu chủ tiệm chọn khoảng thời gian trong tương lai, hệ thống hiển thị thông báo "Thời gian không hợp lệ!" và kết thúc
Business rules	Chỉ nhập thời gian
Non-functional requirements	N/A

Bảng 13: Đặc tả UC 6**Activity diagram 6****Hình 12: Activity diagram 6**

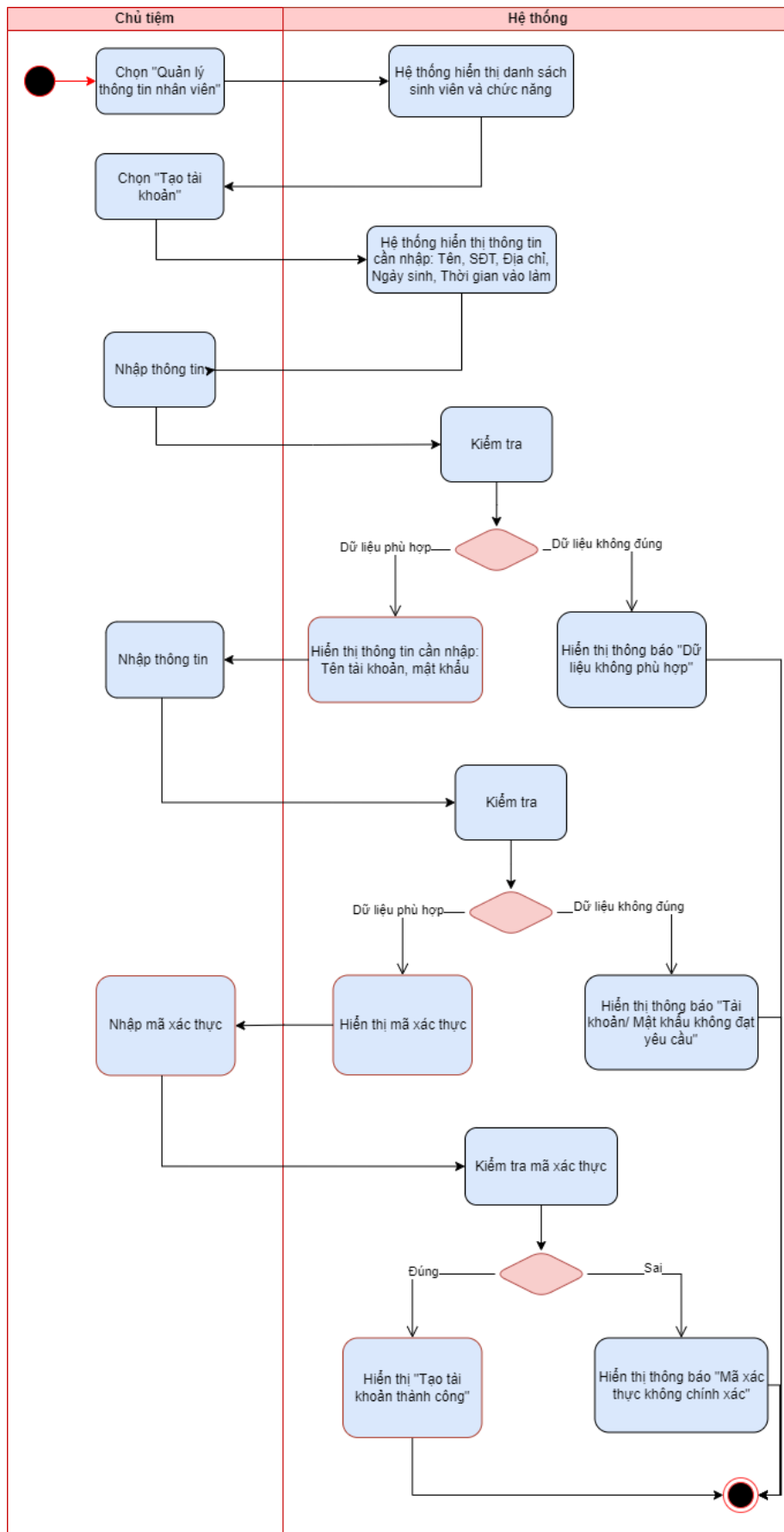
7.14 Đặc tả UC 7.1

Use case ID	7.1
Use case name	Tạo tài khoản nhân viên
Description	Là chủ tiệm, tôi muốn tạo tài khoản cho nhân viên
Actors	Chủ tiệm
Priority	High
Triggers	Chủ tiệm nhấn chọn chức năng “Tạo tài khoản”
Pre-conditions	. Chủ tiệm đã đăng nhập vào hệ thống thành công
Post-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tiệm tạo tài khoản cho nhân viên thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Chủ tiệm chọn chức năng “quản lý thông tin nhân viên” Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên và chức năng Chủ tiệm nhấn chọn “Tạo tài khoản” Hệ thống hiển thị thông tin cá nhân của nhân viên: Tên, SĐT, Địa chỉ, Ngày sinh, Thời gian vào làm Chủ tiệm nhập thông tin Hệ thống kiểm tra Hệ thống hiển thị thông tin cần nhập: Tên tài khoản, mật khẩu Chủ tiệm nhập thông tin Hệ thống kiểm tra Hệ thống hiển thị mã xác thực Chủ tiệm nhập mã xác thực Hệ thống kiểm tra mã xác thực Hệ thống hiển thị thông báo “Tạo tài khoản thành công”
Alternative flows	N/A
Exception flows	<p>6a. Nếu không thỏa mãn điều kiện, hệ thống sẽ hiện thông báo “Dữ liệu không phù hợp” và kết thúc</p> <p>9a. Nếu không thỏa mãn điều kiện, hệ thống hiển thị thông báo “Tài khoản/ Mật khẩu không đạt yêu cầu” và kết thúc</p> <p>12a. Nếu mã sai, hệ thống hiển thị thông báo “Mã xác thực không chính xác” và kết thúc</p>
Business rules	<ul style="list-style-type: none"> Tên nhân viên không được chứa số và ký tự đặc biệt, không được để trống nội dung Nội dung địa chỉ không được để trống

	<ul style="list-style-type: none">• SĐT là 10 chữ số, không được để trống nội dung• Ngày sinh và Thời gian vào làm là thời gian trong quá khứ• Tên tài khoản là số điện thoại của nhân viên• Mật khẩu phải có tối thiểu 1 chữ cái hoa, 1 chữ số, 1 ký tự đặc biệt và 1 chữ cái thường
Non-functional requirements	N/A

Bảng 14: Đặc tả UC 7.1

Activity diagram 7.1

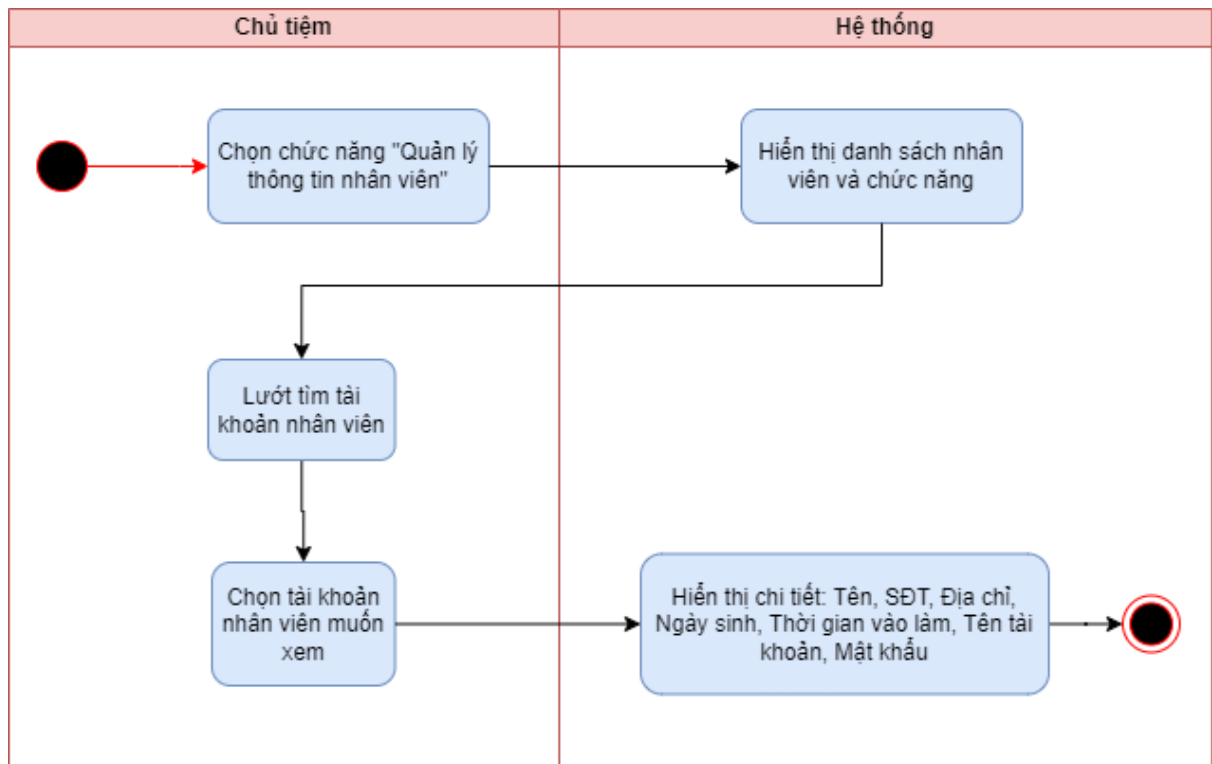


Hình 13: Activity diagram 7.1

7.15 Đặc tả UC 7.2

Use case ID	7.2
Use case name	Xem thông tin nhân viên
Description	Là chủ tiệm, tôi muốn xem thông tin nhân viên
Actors	Chủ tiệm
Priority	High
Triggers	Chủ tiệm nhấn chọn tài khoản của nhân viên cần xem sau đó nhấn “Xem thông tin chi tiết”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin nhân viên đã được lưu trên hệ thống Chủ tiệm đã đăng nhập vào hệ thống thành công
Post-conditions	Chủ tiệm xem được thông tin nhân viên thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Chủ tiệm chọn chức năng “Quản lý thông tin nhân viên” Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên và chức năng Chủ tiệm lướt tìm tài khoản nhân viên muốn xem thông tin chi tiết Chủ tiệm nhấn chọn tài khoản của nhân viên muốn xem Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết: Tên, SĐT, Địa chỉ, Ngày sinh, Thời gian vào làm, Tên tài khoản, Mật khẩu
Alternative flows	N/A
Exception flows	N/A
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 15: Đặc tả UC 7.2**Activity diagram 7.2**



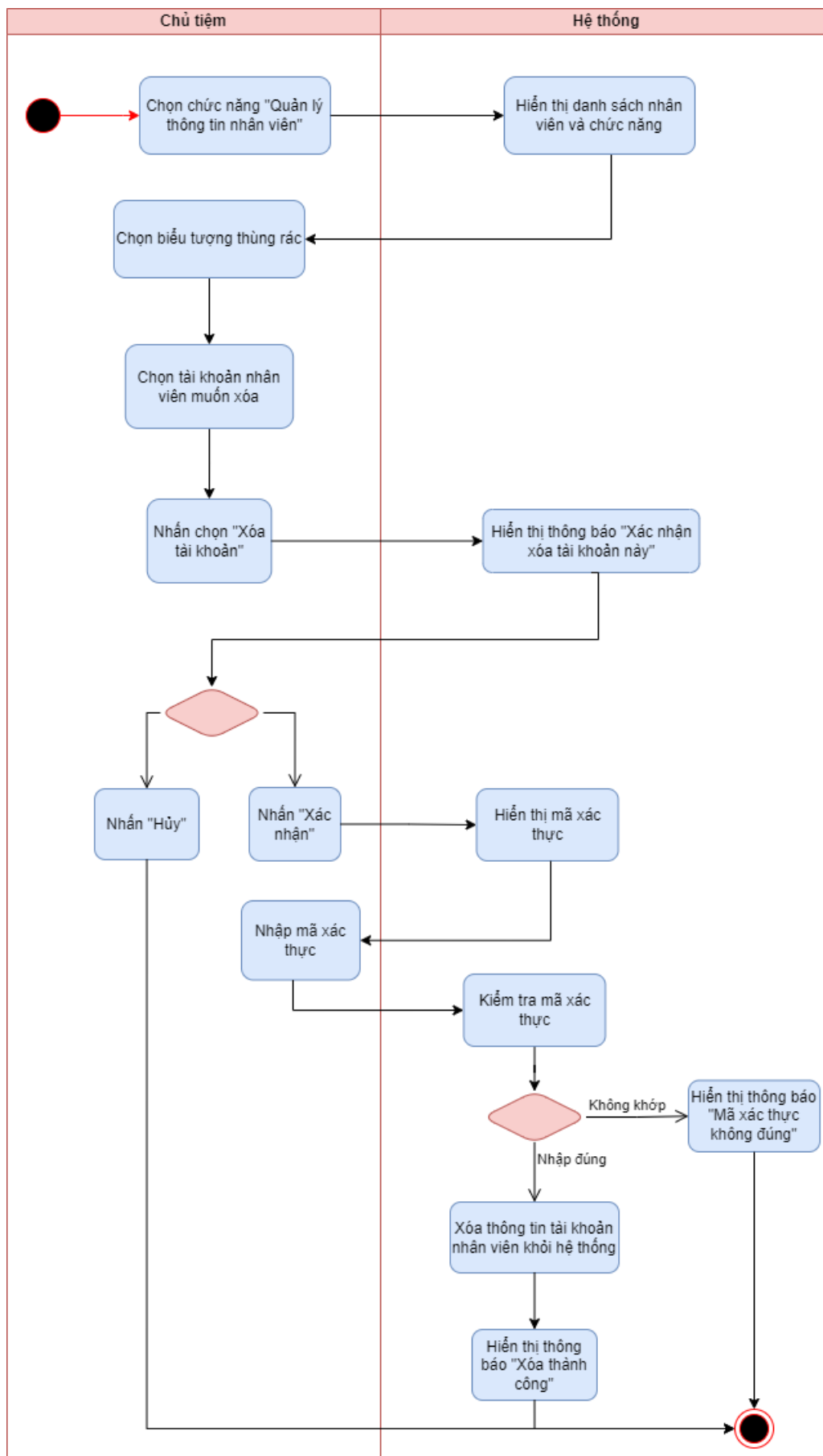
Hình 14: Activity diagram 7.2

7.16 Đặc tả UC 7.3

Use case ID	7.3
Use case name	Xóa tài khoản nhân viên
Description	Là chủ tiệm, tôi muốn xóa tài khoản của nhân viên
Actors	Chủ tiệm
Priority	High
Triggers	Chủ tiệm nhấn chọn tên tài khoản của nhân viên cần xóa sau đó nhấn “Xóa tài khoản”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin nhân viên đã được lưu trên hệ thống Chủ tiệm đã đăng nhập vào hệ thống thành công
Post-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tiệm xóa tài khoản cho nhân viên thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Chủ tiệm chọn chức năng “Quản lý thông tin nhân viên” Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên và chức năng Chủ tiệm chọn biểu tượng thùng rác

	4. Chủ tiệm chọn nhân viên muốn xóa 5. Chủ tiệm chọn “Xóa tài khoản” 6. Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận xóa tài khoản này” 7. Chủ tiệm nhấp vào nút "Xác nhận" 8. Hệ thống hiển thị mã xác minh 9. Chủ tiệm nhập mã xác minh 10. Hệ thống kiểm tra mã xác minh 11. Hệ thống xóa tài khoản nhân viên khỏi hệ thống 12. Hệ thống hiển thị thông báo “Xóa thành công”
Alternative flows	N/A
Exception flows	7a. Nếu chủ tiệm nhấn “Hủy” thì hệ thống sẽ kết thúc 10a. Nếu mã không khớp, hệ thống hiển thị “Mã xác minh không đúng” và kết thúc
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 16: Đặc tả UC 7.3**Activity diagram 7.3**



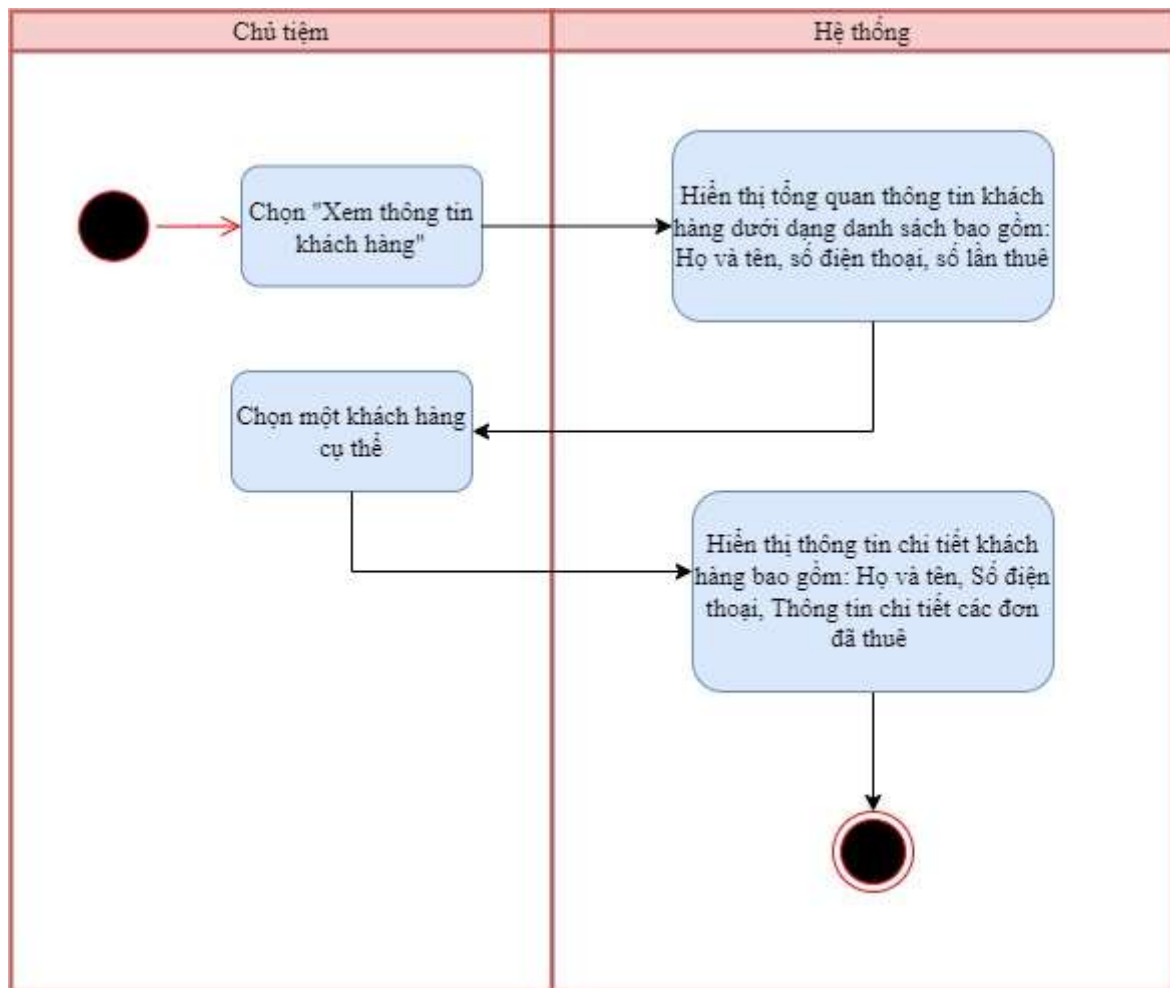
Hình 15: Activity diagram 7.3

7.17 Đặc tả UC 8

Use case ID	8
Use case name	Xem thông tin khách hàng
Description	Là chủ tiệm, tôi muốn xem thông tin khách hàng
Actors	Chủ tiệm
Priority	High
Triggers	Chủ tiệm chọn chức năng “Xem thông tin khách hàng”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tiệm đã đăng nhập tài khoản Khách hàng đã từng thuê đồ
Post-conditions	Thông tin khách hàng hiển thị trên màn hình
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Chủ tiệm chọn chức năng xem thông tin khách hàng Hệ thống hiển thị tổng quan thông tin khách hàng dưới dạng danh sách bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Họ và tên Số điện thoại Số lần thuê Chủ tiệm nhấn chọn một khách hàng cụ thể Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết khách hàng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Họ và tên Số điện thoại Thông tin chi tiết của các đơn thuê: loại trang phục đã thuê, hình thức thuê, thời gian thuê, thời gian trả, nhân viên cho thuê
Alternative flows	N/A
Exception flows	N/A
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 17: Đặc tả UC 8

Activity diagram UC 8



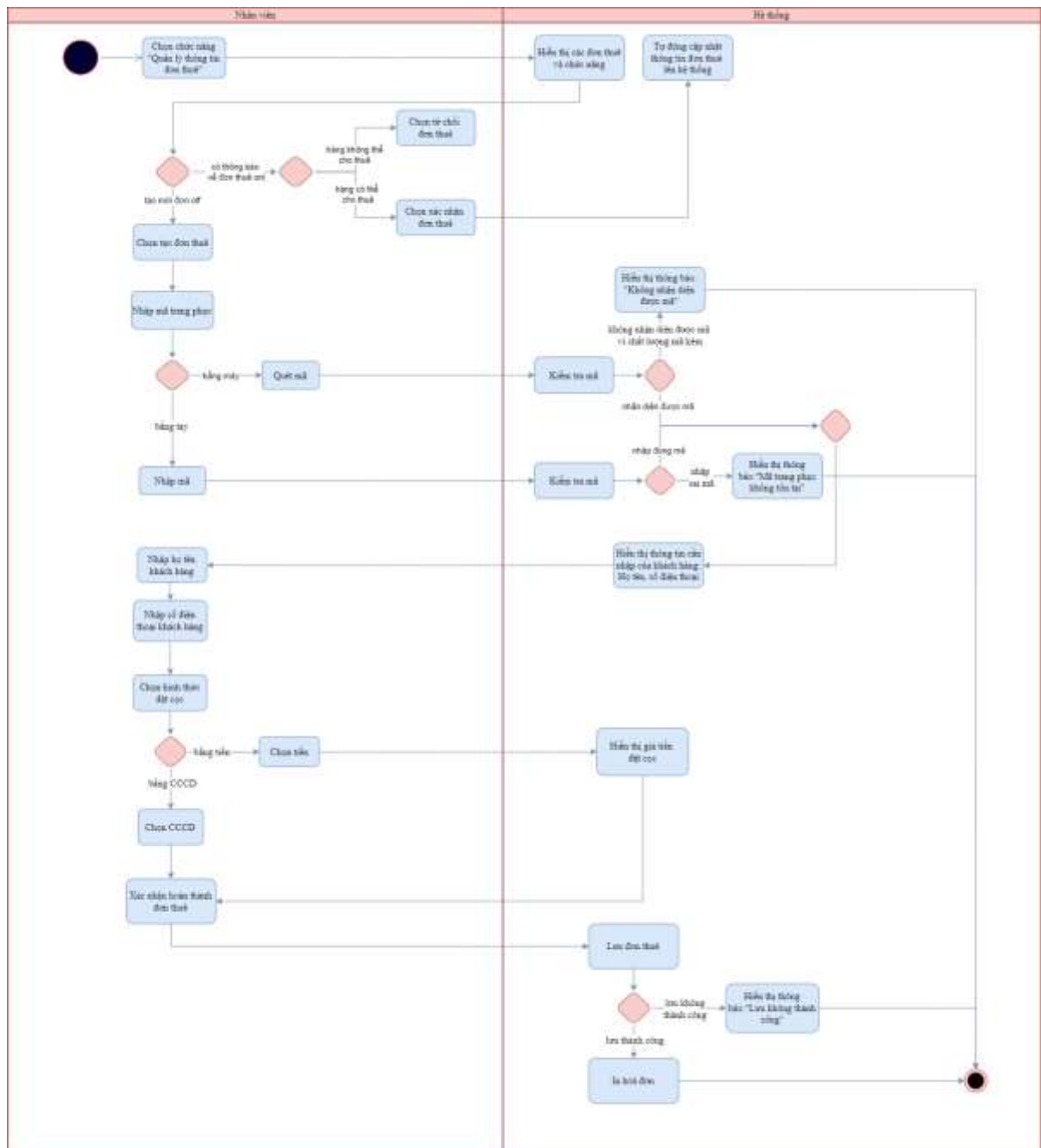
Hình 16: Activity diagram UC 8

7.18 Đặc tả UC 9.1

Use case ID	9.1
Use case name	Tạo đơn thuê
Description	Là nhân viên, tôi muốn tạo đơn thuê
Actors	Nhân viên
Priority	High
Triggers	Nhân viên chọn chức năng tạo đơn thuê
Pre-conditions	Nhân viên đã đăng nhập tài khoản
Post-conditions	Đơn thuê được tạo thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhân viên chọn chức năng “Quản lý thông tin đơn thuê” 2. Hệ thống hiển thị các đơn thuê và các chức năng

	3. Nhân viên chọn chức năng “Tạo đơn thuê” 4. Nhân viên nhập mã trang phục 5. Kiểm tra mã trang phục 6. Hệ thống hiển thị thông tin cần nhập khách hàng: họ tên, số điện thoại 7. Nhân viên nhập thông tin khách hàng 8. Nhân viên chọn hình thức đặt cọc bằng CCCD 9. Nhân viên xác nhận hoàn thành đơn thuê 10. Hệ thống lưu đơn thuê 11. Hệ thống in hoá đơn
Alternative flows	3a. Nếu đơn hàng onl, nhân viên chọn “Xác nhận đơn thuê” 3a1. Hệ thống tự động cập nhật thông tin đơn thuê 4a. Quét mã trang phục 8a. Chọn hình thức đặt cọc bằng tiền 8a1. Hệ thống hiển thị giá tiền đặt cọc
Exception flows	3a2. Nếu nhân viên chọn “Từ chối đơn thuê” thì kết thúc. 5b. Nếu nhập sai mã trang phục, hệ thống hiển thị thông báo: “Mã trang phục không tồn tại” và kết thúc. 5a1. Nếu máy không nhận diện được hình ảnh mã, hiển thị thông báo: “Không nhận diện được mã trang phục” và kết thúc
Business rules	<ul style="list-style-type: none"> Nhập vào đúng 10 chữ số, số nhập vào là một số điện thoại Tên khách hàng không được chứa số và ký tự đặc biệt, không được để trống nội dung
Non-functional requirements	N/A

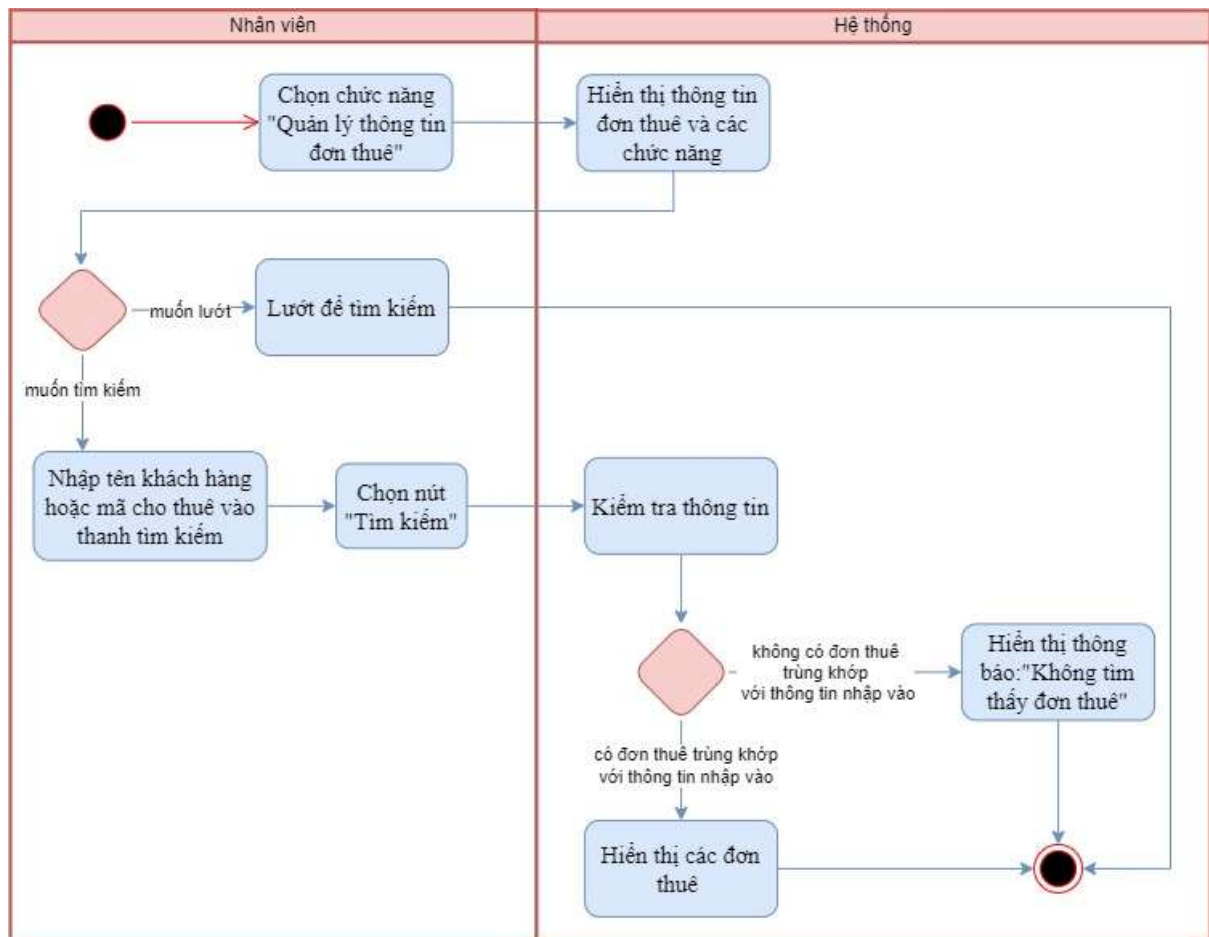
Bảng 18: Đặc tả UC 9.1**Activity diagram UC 9.1**



7.19 Đặc tả UC 9.2

Use case ID	9.2
Use case name	Tìm kiếm đơn
Description	Là nhân viên, tôi muốn tìm kiếm đơn thuê
Actors	Nhân viên
Priority	High
Triggers	Nhân viên chọn chức năng tìm kiếm đơn thuê
Pre-conditions	Nhân viên đã đăng nhập tài khoản Trong quản lý thông tin đơn thuê đã có đơn thuê
Post-conditions	Hiện thị trên màn hình đơn thuê muốn tìm
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhân viên chọn chức năng “Quản lý thông tin đơn thuê” 2. Hệ thống hiển thị các đơn thuê và các chức năng 3. Nhân viên nhập tên khách hàng hoặc mã số đơn thuê trong thanh tìm kiếm 4. Nhân viên chọn nút tìm kiếm 5. Hệ thống kiểm tra thông tin 6. Hệ thống hiển thị thông tin đơn thuê cần tìm
Alternative flows	3a. Nhân viên lướt để tìm kiếm đơn thuê
Exception flows	6a. Nếu thông tin nhập vào không trùng khớp với các đơn đã thuê thì hiển thị thông báo:”Không tìm thấy đơn thuê” và kết thúc.
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 19: Đặc tả UC 9.2**Activity diagram UC 9.2**



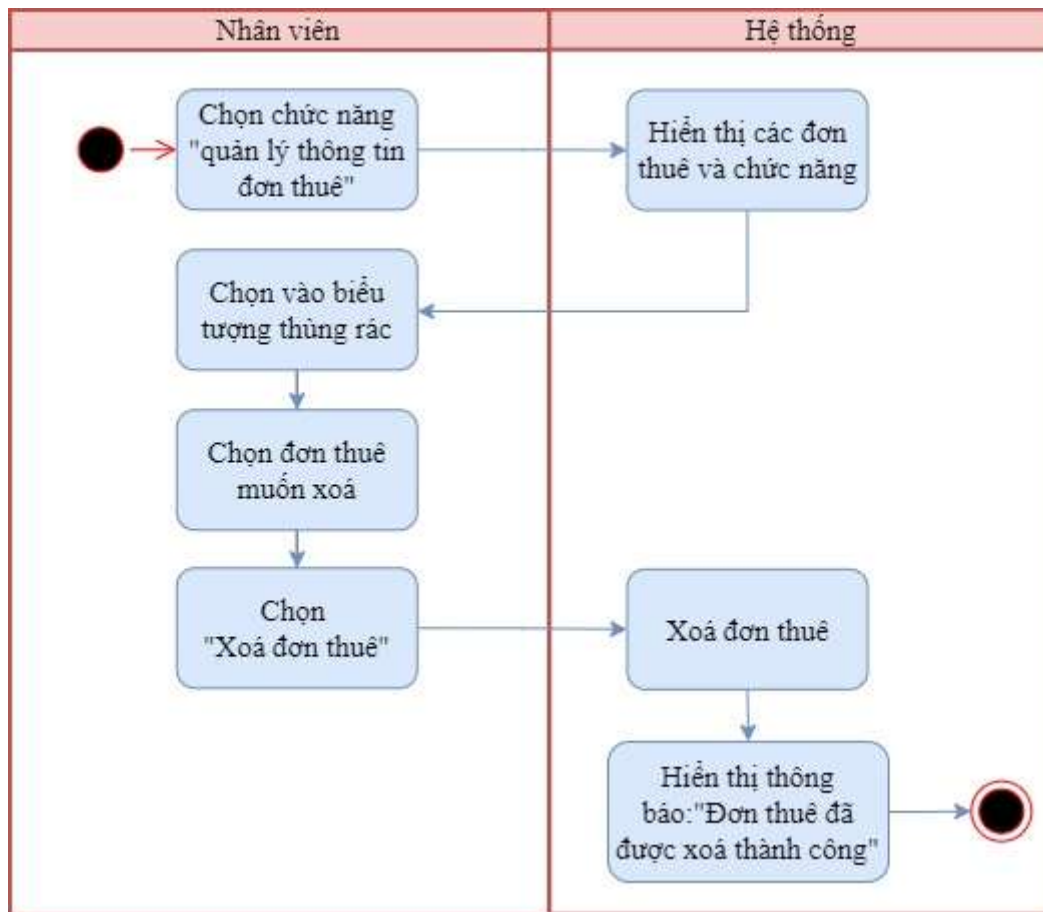
Hình 18: Activity diagram UC 9.2

7.20 Đặc tả UC 9.3

Use case ID	9.3
Use case name	Xoá đơn
Description	Là nhân viên, tôi muốn xoá đơn
Actors	Nhân viên
Priority	High
Triggers	Nhân viên chọn “Xoá đơn thuê”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên đã đăng nhập tài khoản Trong quản lý thông tin đơn thuê đã có đơn thuê
Post-conditions	Đơn thuê được xóa khỏi hệ thống
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhân viên chọn chức năng “Quản lý thông tin đơn thuê” Hệ thống hiển thị các đơn thuê và các chức năng Nhân viên chọn vào biểu tượng thùng rác Nhân viên chọn đơn thuê muốn xóa

	5. Nhân viên chọn “Xóa đơn thuê” 6. Hệ thống xóa đơn thuê 7. Hệ thống hiển thị thông báo:”Đơn thuê đã được xóa thành công”
Alternative flows	N/A
Exception flows	N/A
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 20: Đặc tả UC 9.3**Activity diagram UC 9.3**

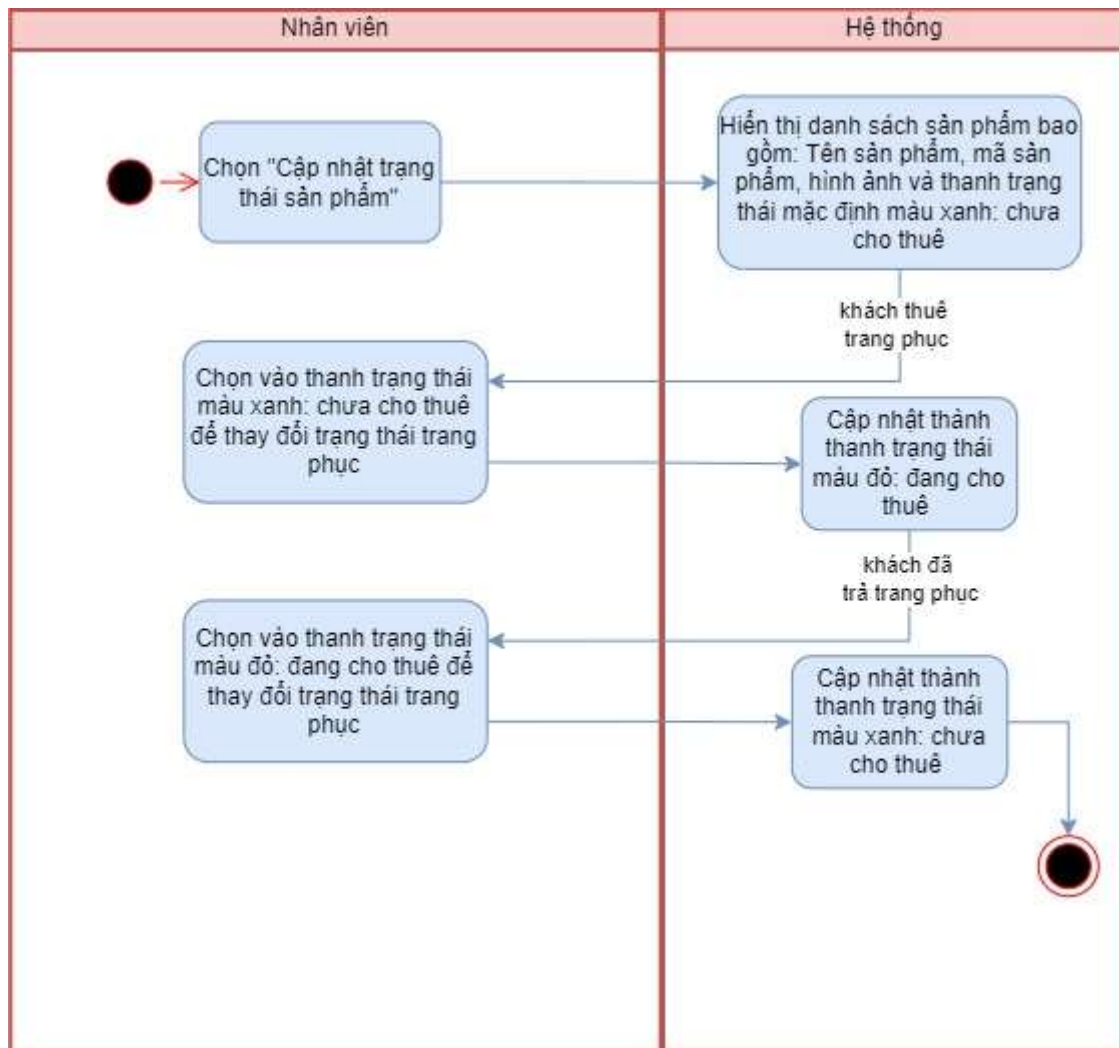


Hình 19: Activity diagram UC 9.3

7.21 Đặc tả UC 10

Use case ID	10
Use case name	Cập nhật trạng thái sản phẩm
Description	Là nhân viên, tôi muốn cập nhật trạng thái sản phẩm
Actors	Nhân viên
Priority	High
Triggers	Nhân viên chọn chức năng cập nhật trạng thái sản phẩm
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên đã đăng nhập tài khoản Thông tin sản phẩm đã được lưu trên hệ thống
Post-conditions	Trạng thái của sản phẩm đã được thay đổi (chưa thuê, đang cho thuê)
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhân viên chọn chức năng “Cập nhật trạng thái sản phẩm” Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm bao gồm: Tên sản phẩm, mã sản phẩm, hình ảnh và thanh trạng thái mặc định màu xanh: chưa cho thuê Nhân viên chọn vào thanh trạng thái màu xanh: chưa cho thuê để thay đổi trạng thái trang phục Hệ thống cập nhật thành thanh trạng thái màu đỏ: đang cho thuê
Alternative flows	<p>3a. Nếu khách hàng đã trả trang phục, nhân viên chọn vào thanh trạng thái màu đỏ: đang cho thuê để thay đổi trạng thái trang phục</p> <p>3a1. Hệ thống cập nhật thành thanh trạng thái màu xanh: chưa cho thuê</p>
Exception flows	N/A
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 21: Đặc tả UC 10**Activity diagram UC 10**



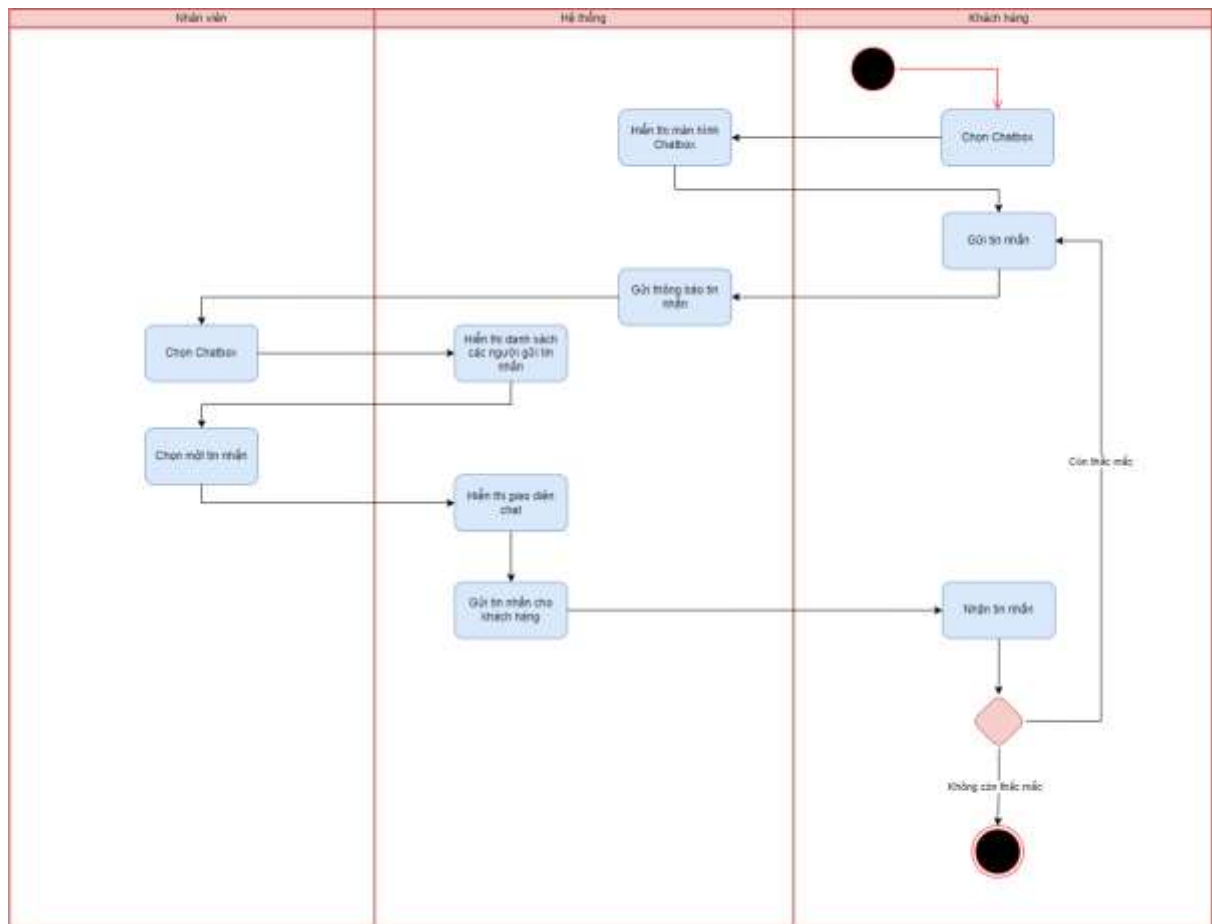
Hình 20: Activity diagram UC 10

7.22 Đặc tả UC 11

Use case ID	11
Use case name	Chat box
Description	<ul style="list-style-type: none"> Là Khách hàng tôi muốn sử dụng chatbox để hỏi một số thắc mắc Là Nhân viên tôi sử dụng chatbox để giải đáp những thắc mắc cho khách hàng
Actors	Khách hàng và Nhân viên
Priority	Medium
Triggers	Khách hàng và Nhân viên chọn chức năng Chat box
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên và khách hàng đăng nhập vào hệ thống
Post-conditions	Tin nhắn gửi đi thành công.

Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn chức năng Chat box 2. Hệ thống hiển thị giao diện Chat box 3. Khách hàng bắt đầu gửi tin nhắn (có thể thêm hình ảnh) 4. Hệ thống thông báo tin nhắn cho nhân viên 5. Nhân viên chọn chức năng Chat box 6. Hệ thống hiển thị danh sách các khách hàng đã gửi tin nhắn. Nhân viên chọn vào một tin nhắn 7. Hệ thống hiển thị giao diện Chat box 8. Nhân viên bắt đầu gửi tin nhắn giải đáp thắc mắc của khách hàng về sản phẩm
Alternative flows	N/A
Exception flows	8a. Tiếp tục giải đáp đến khi khách hàng không gửi tin nhắn
Business rules	<ul style="list-style-type: none"> • Nếu tin nhắn chưa xem thì hệ thống in đậm khung chat • Tin nhắn hiển thị theo thứ tự những tin nhắn mới nhất rồi đến những tin nhắn cũ nhất
Non-functional requirements	N/A

Bảng 22: Đặc tả UC 11**Activity diagram 11**



Hình 21: Activity diagram 11

7.23 Đặc tả UC 12

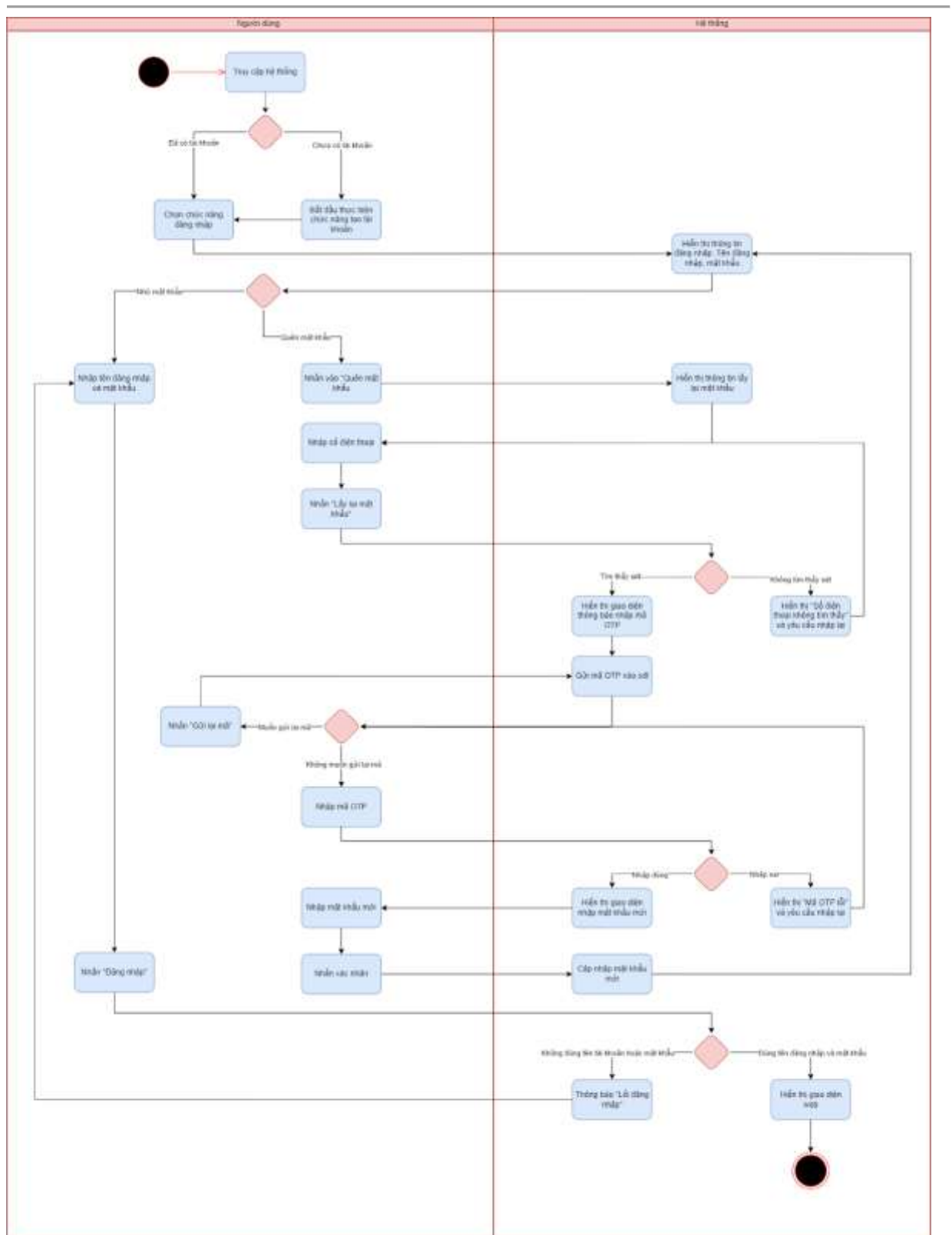
Use case ID	12
Use case name	Đăng nhập
Description	<ul style="list-style-type: none"> Là khách hàng tôi muốn đăng nhập để sử dụng các chức năng Là Nhân viên tôi muốn đăng nhập để bắt đầu ca làm việc Là Quản lý tôi muốn đăng nhập để quản lý shop
Actors	Người dùng (Khách hàng, Nhân viên và Quản lý)
Priority	Medium
Triggers	Khách hàng, Nhân viên và Quản lý chọn chức năng đăng nhập
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Đã có tài khoản được lưu trên hệ thống Tên tài khoản và mật khẩu không bị lỗi
Post-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Đăng nhập thành công

Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập hệ thống 2. Người dùng chọn chức năng đăng nhập 3. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin đăng nhập bao gồm: Tên đăng nhập, mật khẩu 4. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu <ol style="list-style-type: none"> 4a.1. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin lấy lại mật khẩu 4a.2. Người dùng nhập số điện thoại 4a.3. Người dùng nhấn “lấy lại mật khẩu” 4a.4. Hệ thống kiểm tra 4a.5. Hệ thống gửi mã OTP về số điện thoại và hiển thị giao diện thông báo “Nhập mã OTP” 4a.6. Người dùng nhập mã OTP 4a.7. Hệ thống kiểm tra 4a.8. Hệ thống hiển thị giao diện nhập mật khẩu mới 4a.9. Người dùng nhập mật khẩu mới 4a.10. Người dùng nhấn xác nhận 4a.11. Hệ thống cập nhập mật khẩu mới cho tài khoản và thoát ra màn hình đăng nhập 5. Người dùng nhấn “Đăng Nhập” 6. Hệ thống kiểm tra đăng nhập 7. Hệ thống hiển thị giao diện trang web
Alternative flows	N/A
Exception flows	<ol style="list-style-type: none"> 1a. Nếu Khách hàng chưa có tài khoản thì phải tạo tài khoản rồi mới đến đăng nhập 4a. Nếu người dùng quên mật khẩu, nhấn vào “Quên mật khẩu” <ol style="list-style-type: none"> 4a.4a. Nếu không tìm thấy số điện thoại hệ thống hiển thị “Số điện thoại không tìm thấy” và yêu cầu người dùng nhập lại 4a.7a. Nếu sai mã OTP hệ thống hiển thị “Mã OTP lỗi” và yêu cầu nhập lại 4a.6a. Nếu người dùng muốn nhận lại mã OTP thì nhấn “Gửi lại mã” và quay lại bước 4a.5 6a. Nếu không thành công hệ thống thông báo “Lỗi đăng nhập” và yêu cầu đăng nhập lại
Business rules	<ul style="list-style-type: none"> • Tên đăng nhập là số điện thoại

	<ul style="list-style-type: none"> • Tên đăng nhập là 10 chữ số • Mật khẩu phải có tối thiểu 1 chữ cái hoa, 1 chữ số, 1 kí tự đặc biệt và 1 chữ cái thường • Nếu đăng nhập lỗi quá 5 lần, hệ thống khóa đăng nhập trong 10 phút
Non-functional requirements	N/A

Bảng 23: Đặc tả UC 12

Activity diagram 12



Hình 22: Activity diagram 12

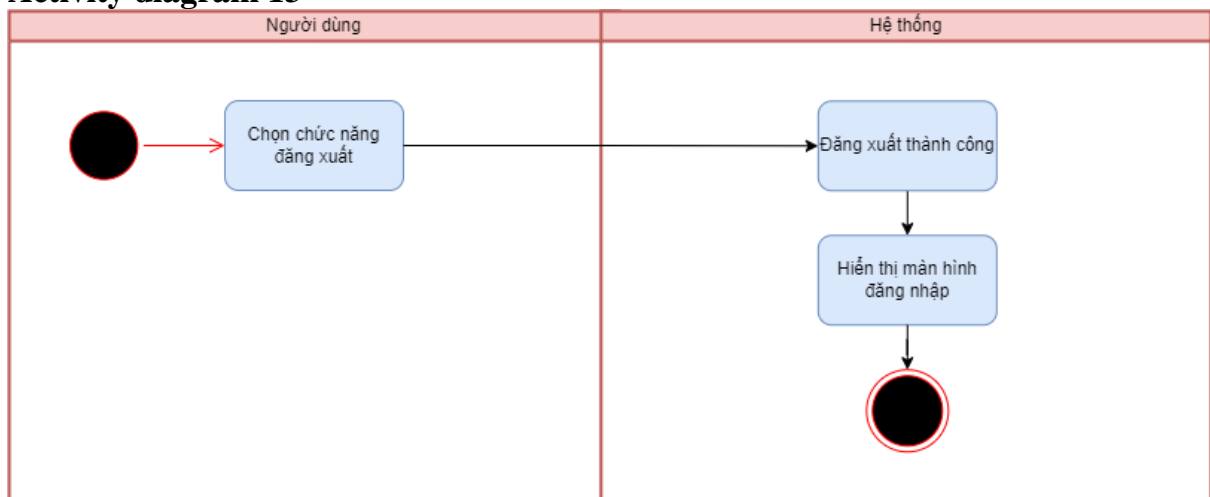
7.24 Đặc tả UC 13

Use case ID	13
-------------	----

Use case name	Đăng Xuất
Description	<ul style="list-style-type: none"> Là khách hàng tôi muốn đăng xuất Là Nhân viên tôi muốn đăng xuất để tan ca làm Là Quản lý tôi muốn đăng xuất
Actors	Người dùng (Khách hàng, Nhân viên và Quản lý)
Priority	Medium
Triggers	Khách hàng, Nhân viên và Quản lý chọn chức năng “Đăng xuất”
Pre-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Đăng nhập thành công vào hệ thống
Post-conditions	<ul style="list-style-type: none"> Đăng xuất thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng chọn chức năng đăng xuất Người dùng đăng xuất khỏi trang web và truy cập đến màn hình đăng nhập
Alternative flows	N/A
Exception flows	N/A
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

Bảng 24: Đặc tả UC 13

Activity diagram 13



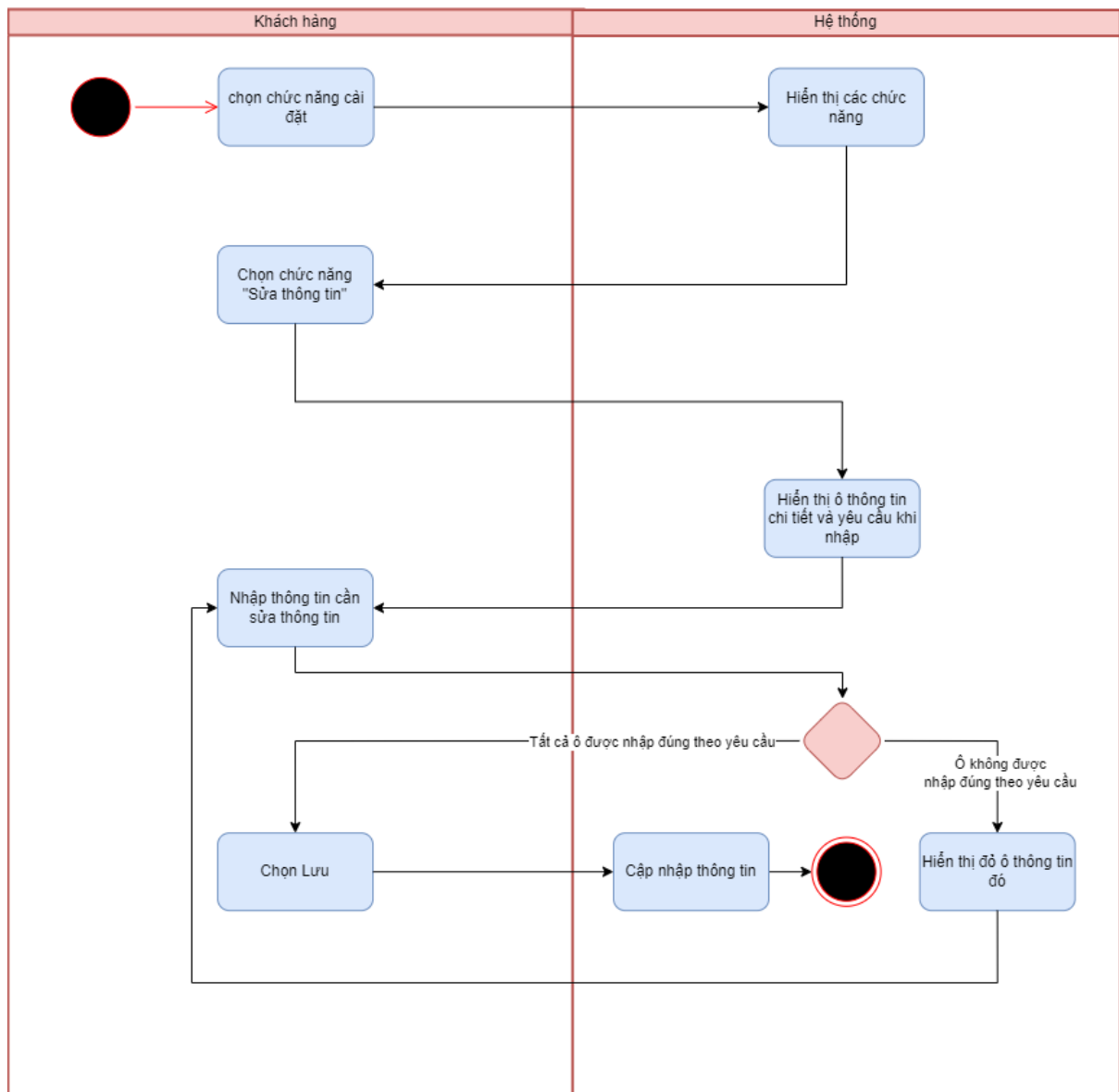
Hình 23: Activity diagram 13

7.25 Đặc tả UC 14.1

Use case ID	14.1
-------------	------

Use case name	Sửa thông tin
Description	Là Khách hàng tôi muốn sửa thông tin tài khoản
Actors	Khách hàng
Priority	Medium
Triggers	Khách hàng chọn chức năng sửa thông tin tài khoản
Pre-conditions	Khách hàng đăng nhập thành công
Post-conditions	Hệ thống cập nhập thông tin đã sửa thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn chức năng cài đặt 2. Hệ thống hiển thị các chức năng (Sửa thông tin, Xem thông tin chi tiết) 3. Khách hàng chọn chức năng “Sửa thông tin” 4. Hệ thống hiển thị các ô thông tin chi tiết (Họ và tên, ngày sinh, số điện thoại, tên đăng nhập, mật khẩu) và yêu cầu khi nhập 5. Khách hàng nhập thông tin cần sửa 6. Khách hàng chọn “Lưu” 7. Hệ thống cập nhập thông tin vừa sửa
Alternative flows	N/A
Exception flows	5a. Nếu thông tin khách hàng nhập không đúng yêu cầu, hệ thống hiển thị đồ phản ô thông tin đó
Business rules	<ul style="list-style-type: none"> • Không thể đổi số điện thoại và tên đăng nhập • Họ và tên không được chứa số và ký tự đặc biệt, không được để trống nội dung • Ngày sinh là thời gian trong quá khứ • Mật khẩu phải có tối thiểu 1 chữ cái hoa, 1 chữ số, 1 ký tự đặc biệt và 1 chữ cái thường
Non-functional requirements	N/A

Bảng 25: Đặc tả UC 14.1**Activity diagram 14.1**

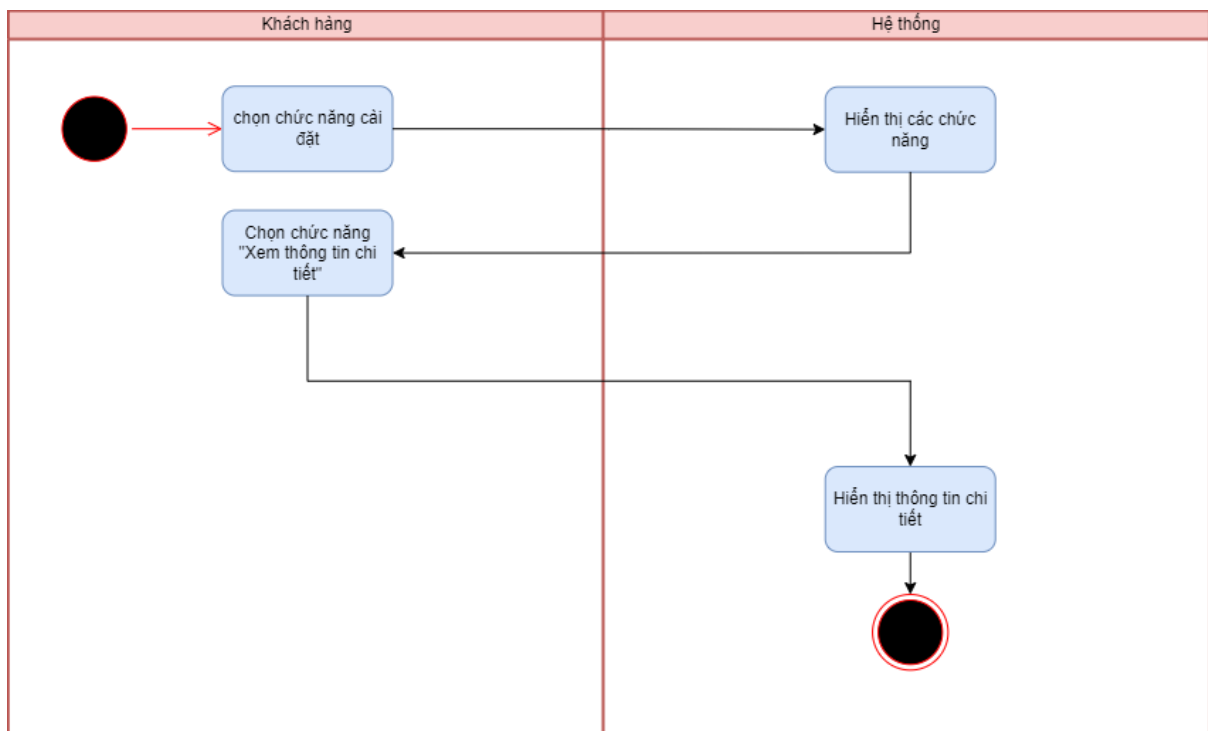


Hình 24: Activity diagram 14.1

7.26 Đặc tả UC 14.2

Use case ID	14.2
Use case name	Xem thông tin chi tiết
Description	Là Khách hàng tôi muốn xem thông tin chi tiết tài khoản
Actors	Khách hàng
Priority	Medium
Triggers	Khách hàng chọn chức năng xem thông tin chi tiết
Pre-conditions	Khách hàng đăng nhập thành công

Post-conditions	Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết tài khoản
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn chức năng cài đặt 2. Hệ thống hiển thị các chức năng (Sửa thông tin, Xem thông tin chi tiết) 3. Khách hàng chọn chức năng “Xem thông tin chi tiết” 4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết (Họ và tên, ngày sinh, số điện thoại, tên đăng nhập, mật khẩu)
Alternative flows	N/A
Exception flows	N/A
Business rules	N/A
Non-functional requirements	N/A

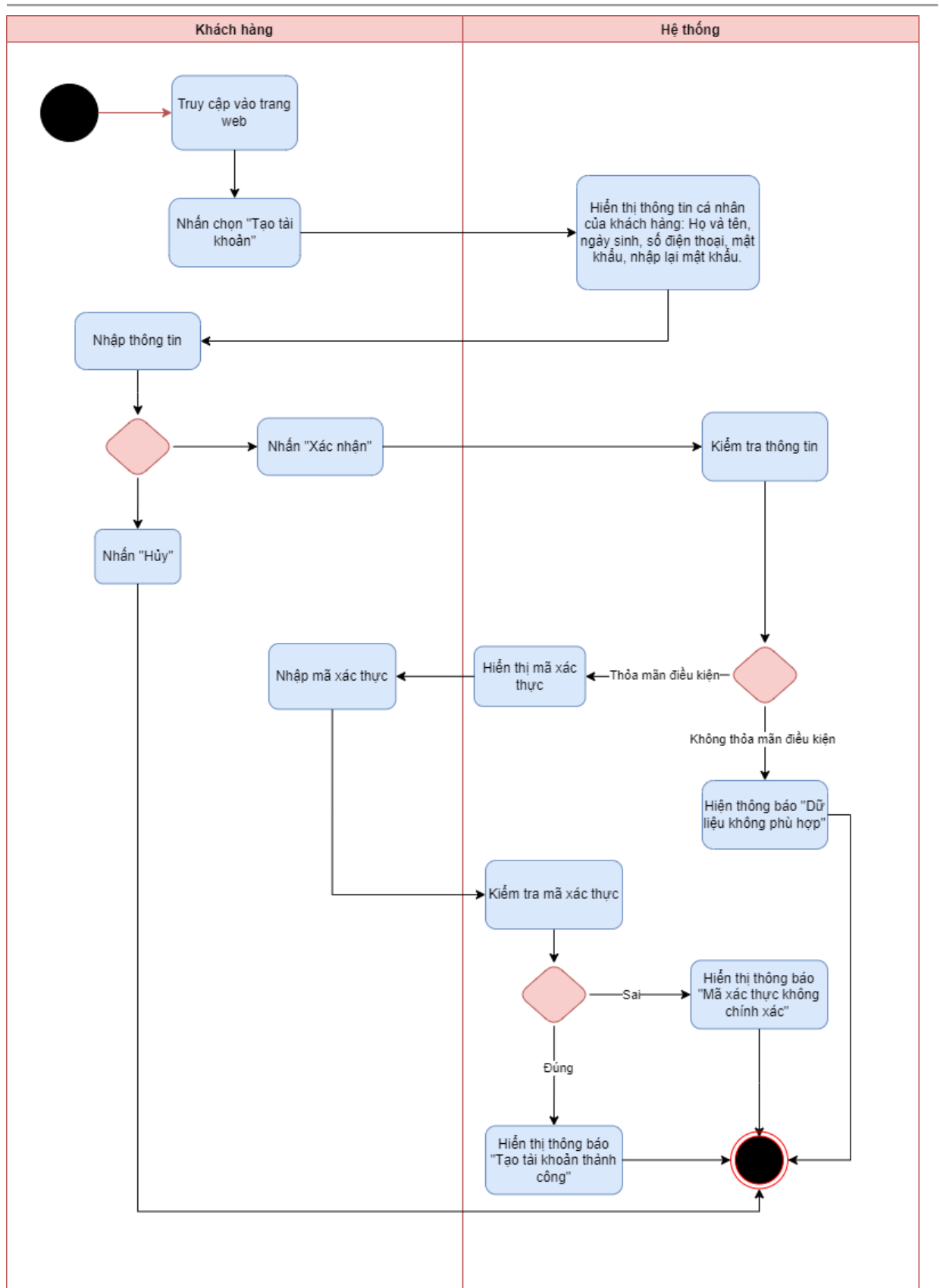
Bảng 26: Đặc tả UC 14.2**Activity diagram 14.2****Hình 25: Activity diagram 14.2****7.27 Đặc tả UC 15**

Use case ID	15
-------------	----

Use case name	Tạo tài khoản
Description	Là khách hàng, tôi muốn tạo tài khoản.
Actors	Khách hàng
Priority	High
Triggers	Khách hàng chọn chức năng tạo tài khoản.
Pre-conditions	N/A
Post-conditions	Khách hàng tạo tài khoản thành công
Main flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng truy cập vào trang web 2. Khách hàng nhấn chọn “Tạo tài khoản” 3. Hệ thống hiển thị thông tin cá nhân của khách hàng: Họ và tên, ngày sinh, số điện thoại, mật khẩu, nhập lại mật khẩu. 4. Khách hàng nhập thông tin. 5. Khách hàng nhấn “Xác nhận”. 6. Hệ thống kiểm tra thông tin. 7. Hệ thống hiển thị mã OTP 8. Khách hàng nhập mã OTP 9. Hệ thống kiểm tra mã OTP 10. Hệ thống hiển thị thông báo “Tạo tài khoản thành công”
Alternative flows	N/A
Exception flows	<p>5a. Nếu khách hàng nhấn “Hủy” thì kết thúc.</p> <p>6a. Nếu không thỏa mãn điều kiện, hệ thống sẽ hiện thông báo “Dữ liệu không phù hợp” và kết thúc</p> <p>9a. Nếu mã sai, hệ thống hiển thị thông báo “Mã OTP không chính xác” và kết thúc</p>
Business rules	<ul style="list-style-type: none"> • Họ và tên không được chứa số và ký tự đặc biệt, không được để trống nội dung • Ngày sinh là thời gian trong quá khứ • Số điện thoại là 10 chữ số và không được để trống. • Mật khẩu phải có tối thiểu 1 chữ cái hoa, 1 chữ số, 1 ký tự đặc biệt và 1 chữ cái thường • Nhập lại mật khẩu phải trùng khớp với mật khẩu đã nhập.
Non-functional requirements	N/A

Bảng 27: Đặc tả UC 15

Activity diagram UC 15



Hình 26: Activity diagram UC 15